

BỘ 10 ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN ĐỊA LÍ 12 CÓ ĐÁP ÁN

1. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 12 – Số 1

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN NGHỊ

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2019 – 2020

THỜI GIAN 45 PHÚT

Câu 1: Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn bao gồm

- A. vùng đất, hải đảo, thềm lục địa B. vùng đất, vùng biển, vùng núi
C. vùng đất, vùng biển, vùng trời D. vùng đất liền, hải đảo, vùng trời

Câu 2: Nhiệt độ trung bình của Đại ôn đới gió mùa trên núi là

- A. Thấp hơn 15°C B. 15°C C. Lớn hơn 15°C D. Luôn lớn hơn 15°C

Câu 3: Do không được bồi đắp phù sa hàng năm và do việc canh tác không hợp lí nên ở Đồng bằng sông Hồng đã hình thành nên loại

- A. đất mặn B. đất cát biển C. đất chua mặn D. đất bạc màu

Câu 4: Hạn chế lớn nhất về mặt tự nhiên của tài nguyên khoáng sản nước ta là:

- A. nhiều loại khoáng sản đang bị cạn kiệt B. ít loại có giá trị
C. trữ lượng nhỏ lại phân tán D. hầu hết là khoáng sản đa kim

Câu 5: Đường biên giới trên đất liền nước ta dài

- A. 4360km. B. 3600km. C. 3460km D. 4600km.

Câu 6: Mùa bão ở nước ta thường từ tháng

- A. 5 – 10. B. 7 – 12 C. 6 – 11 D. 5 – 12

Câu 7: Ở miền khí hậu phía bắc, trong mùa đông càng về phía tây càng ấm vì

- A. nhiệt độ thay đổi theo độ cao của địa hình
B. nhiệt độ tăng dần theo độ vĩ
C. dãy Hoàng Liên Sơn ngăn cản ảnh hưởng của gió mùa đông bắc
D. đó là những vùng không chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc

Câu 8: Nhiễu động về thời tiết ở nước ta thường xảy ra vào

- A. thời gian chuyển mùa.
B. nửa sau mùa hè đối với cả vùng Duyên hải miền Trung.
C. nửa đầu mùa hè ở Bắc Trung Bộ.
D. mùa đông ở miền Bắc và mùa khô ở Tây Nguyên.

Câu 9: Gió mùa mùa hạ chính thức của nước ta là

- A. gió mùa hoạt động ở cuối mùa hạ

- B. gió mùa xuất phát từ cao áp cận chí tuyến ở bán cầu Nam
- C. gió mùa hoạt động từ tháng 6 đến tháng 9
- D. gió mùa xuất phát từ áp cao bắc Ấn Độ Dương

Câu 10: Đây là một đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

- A. lượng nước phân bố không đều giữa các hệ thống sông
- B. phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam
- C. phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt
- D. chế độ nước theo mùa

Câu 11: Bãi biển nào dưới đây chịu tác động lớn nhất của gió Lào vào đầu mùa hạ

- A. Trà Cổ B. Phú Quốc C. Nha Trang D. Cửa Lò

Câu 12: Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 9, hãy trả lời câu hỏi sau

Trong 4 địa điểm sau, địa điểm có lượng mưa trung bình năm nhiều nhất là

- A. Hà Nội B. Huế C. Nha Trang D. Phan Thiết

Câu 13: So với Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì Huế là nơi có cân bằng ẩm lớn nhất. Nguyên nhân chính là

- A. Huế có lượng mưa lớn nhưng bốc hơi ít do mưa nhiều vào mùa thu đông.
- B. Huế là nơi có lượng mưa trung bình năm lớn nhất nước ta.
- C. Huế có lượng mưa không lớn nhưng mưa thu đông nên ít bốc hơi.
- D. Huế lạnh quanh năm nên bốc hơi ít

Câu 14: Nguyên nhân dẫn đến sự hình thành gió mùa là

- A. sự hạ khí áp đột ngột
- B. sự chênh lệch nhiệt độ và khí áp giữa lục địa và đại dương theo mùa
- C. sự chênh lệch độ ẩm giữa ngày và đêm
- D. sự chênh lệch khí áp giữa lục địa và đại dương

Câu 15: Đối với nước ta, để đảm bảo vai trò của rừng đối với bảo vệ môi trường, theo quy hoạch thì chúng ta cần phải:

- A. nâng diện tích rừng lên khoảng 14 triệu ha.
- B. duy trì diện tích rừng ít nhất là như hiện nay.
- C. đạt độ che phủ rừng lên trên 50%.
- D. nâng độ che phủ lên từ 45% - 50% ở vùng núi dốc phải đạt độ che phủ khoảng 70% - 80%.

Câu 16: Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp đã làm cho

- A. tính chất nhiệt đới, ẩm, gió mùa của thiên nhiên được bảo toàn
- B. địa hình nước ta ít hiểm trở
- C. địa hình nước ta có sự phân bậc rõ ràng

D. thiên nhiên có sự phân hoá sâu sắc

Câu 17: Nếu ở Nha Trang nhiệt độ không khí là 32°C thì lên đến Đà Lạt ở độ cao 1500m nhiệt độ là

A. 23°C B. 13°C C. 10°C D. 22°C

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Việt Nam trang 9, khu vực có tần suất bão lớn nhất nước ta là

A. Đồng bằng sông Hồng B. Đông Nam Bộ
C. Duyên hải Nam trung Bộ D. Bắc Trung Bộ

Câu 19: Nước ta có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú nhờ

A. nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên vành đai sinh khoáng của thế giới.
B. nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực châu Á gió mùa.
C. lãnh thổ kéo dài từ $8^{\circ}34'\text{B}$ đến $23^{\circ}23'\text{B}$ nên thiên nhiên có sự phân hoá đa dạng.
D. nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên đường di lưu của các loài sinh vật.

Câu 20: Thiên nhiên nước ta bốn mùa xanh tươi khác hẳn với các nước có cùng độ vĩ ở Tây Á, châu Phi là nhờ

A. nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp của nhiều hệ thống tự nhiên.
B. nước ta nằm tiếp giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển trên 3260 km.
C. nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
D. nước ta nằm ở trung tâm vùng Đông Nam Á.

Câu 21: Gió mùa mùa đông ở miền Bắc nước ta có đặc điểm

A. kéo dài liên tục suốt 3 tháng với nhiệt độ trung bình dưới 20°C
B. hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô
C. xuất hiện thành từng đợt từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô hoặc lạnh ẩm
D. hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô và lạnh ẩm

Câu 22: Vào đầu mùa hạ gió mùa Tây Nam gây mưa ở vùng

A. Nam Bộ B. Trên cả nước
C. Tây Nguyên và Nam Bộ D. Phía Nam đèo Hải Vân

Câu 23: Đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, Việt Nam có quyền lợi nào

A. có quyền thực hiện các biện pháp để bảo vệ an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, các quy định về y tế, môi trường, nhập cư...
B. có chủ quyền hoàn toàn về thăm dò, khai thác, bảo vệ, quản lí các tất cả các nguồn tài nguyên.
C. cho phép các nước tự do hàng hải, hàng không, đặt ống dẫn dầu, cáp quang ngầm.
D. không cho phép các nước được phép thiết lập các công trình nhân tạo phục vụ cho thăm dò, khảo sát biển.

Câu 24: Ý nghĩa kinh tế của vị trí địa lí nước ta:

A. sinh vật phong phú đa dạng

- B. đủ các loại khoáng sản chính của khu vực Đông Nam Á.
- C. làm cho văn hóa nước ta có nhiều nét tương đồng với các nước trong khu vực
- D. tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước trên thế giới, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 25: Trở ngại lớn nhất của địa hình miền núi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta là

- A. địa hình bị chia cắt mạnh, nhiều sông suối, hẻm vực gây trở ngại cho giao thông.
- B. địa hình dốc, đất dễ bị xói mòn.
- C. thiếu đất canh tác, thiếu nước nhất là ở những vùng núi đá vôi.
- D. động đất dễ phát sinh ở những vùng đứt gãy sâu.

Câu 26: Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng là

- A. Ngăn chặn nạn du canh, du cư. B. Chống suy thoái và ô nhiễm đất
- C. Thực hiện kĩ thuật canh tác trên đất dốc. D. Áp dụng biện pháp nông lâm kết hợp

Câu 27: Gió mùa mùa hạ chính thức của nước ta gây mưa cho vùng

- A. Bắc Bộ B. Tây Nguyên C. Nam Bộ D. Cả nước

Câu 28: Nhận định đúng nhất về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay là

- A. dù tổng diện tích rừng đang được phục hồi nhưng chất lượng vẫn tiếp tục suy giảm
- B. tài nguyên rừng đang tiếp tục bị suy giảm cả về số lượng lẫn chất lượng
- C. tài nguyên rừng của nước ta đang được phục hồi cả về số lượng lẫn chất lượng
- D. chất lượng rừng đã được phục hồi nhưng diện tích rừng đang giảm sút nhanh

Câu 29: Điểm cực Bắc của nước ta thuộc tỉnh nào

- A. Cao Bằng. B. Điện Biên. C. Hà Giang. D. Lào Cai

Câu 30: Cửa khẩu nào sau đây nằm trên đường biên giới Việt – Trung?

- A. Lao Bảo B. Vĩnh Xương C. Đồng Đăng D. Cầu Treo

Câu 31: Diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người của nước ta năm 2005 là

- A. 0,1 ha. B. 0,2 ha. C. 0,3 ha. D. 0,4 ha

Câu 32: Gió Đông Bắc thổi ở vùng phía nam đèo Hải Vân vào mùa đông thực chất là

- A. gió mùa mùa đông xuất phát từ cao áp ở lục địa châu Á
- B. gió tín phong ở nửa cầu Bắc hoạt động thường xuyên suốt năm
- C. một loại gió địa phương hoạt động thường xuyên suốt năm giữa biển và đất liền
- D. gió mùa mùa đông nhưng đã biến tính khi vượt qua dãy Bạch Mã

Câu 33: Nguyên nhân về mặt tự nhiên làm suy giảm tính đa dạng sinh học của nước ta là

- A. sự biến đổi thất thường của khí hậu Trái đất gây ra nhiều thiên tai
- B. ô nhiễm môi trường do chất thải của sản xuất và sinh hoạt
- C. chiến tranh tàn phá các khu rừng, các hệ sinh thái
- D. săn bắt, buôn bán trái phép các động vật hoang dã

Câu 34: Vùng có tình trạng khô hạn dữ dội và kéo dài nhất nước ta là :

- A. Các thung lũng đá vôi ở miền Bắc. B. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Các cao nguyên ở phía nam Tây Nguyên. D. Cực Nam Trung Bộ.

Câu 35: Nội thủy là

- A. vùng nước tiếp giáp với đất liền nằm ven biển.
B. vùng nước tiếp giáp với đất liền phía bên trong đường cơ sở.
C. vùng nước cách đường cơ sở 12 hải lí.
D. vùng nước cách bờ 12 hải lí.

Câu 36: Đất phe-ra-lit ở nước ta thường bị chua vì

- A. có sự tích tụ nhiều Fe_2O_3
B. mưa nhiều trôi hết các chất bazo dễ tan
C. có sự tích tụ nhiều Al_2O_3
D. quá trình phong hoá diễn ra với cường độ mạnh

Câu 37: Hiện tượng mưa phùn của nước ta thường xảy ra ở khu vực

- A. diễn ra vào đầu mùa đông ở miền Bắc
B. diễn ra vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc
C. diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào nửa sau mùa đông
D. diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào đầu mùa đông

Cho bảng số liệu sau

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng VII (°C)	Nhiệt độ trung bình năm (°C)
Lạng Sơn	13,3	27,0	21,2
Hà Nội	16,4	28,9	23,5
Vinh	17,6	29,6	23,9
Huế	19,7	29,4	25,1
Quy Nhơn	23,0	29,7	26,8
TP. Hồ Chí Minh	25,8	27,1	27,1

(Nguồn: Niên giám thống kê 2015, NXB Thống kê 2016)

Dựa vào bảng số liệu trên trả lời từ **Câu 38** đến **Câu 40:**

Câu 38: Biên độ nhiệt năm cao nhất thuộc về địa điểm nào

- A. Lạng Sơn B. Hà Nội. C. Huế. D. TP. Hồ Chí Minh

Câu 39: Nhiệt độ trung bình năm có xu hướng

A. giảm dần từ Bắc vào Nam B. tăng dần từ Bắc vào Nam.

C. tăng giảm không ổn định. D. không tăng không giảm

Câu 40: Nhận xét nào sau đây **không đúng** về sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam

A. nhiệt độ trung bình tháng VII có sự thay đổi đáng kể từ Bắc vào Nam

B. nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam

C. biên độ nhiệt giảm dần từ Bắc vào Nam

D. từ Vinh vào Quy Nhơn nhiệt độ có cao hơn một chút do ảnh hưởng của gió Lào

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – SỐ 1

1	C	11	D	21	C	31	A
2	A	12	B	22	C	32	B
3	D	13	A	23	A	33	A
4	C	14	B	24	D	34	D
5	D	15	D	25	A	35	B
6	C	16	A	26	B	36	B
7	C	17	A	27	D	37	C
8	A	18	D	28	A	38	A
9	B	19	D	29	C	39	B
10	D	20	B	30	C	40	A

2. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 12 – Số 2

TRƯỜNG THPT TRUNG VƯƠNG

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2019 – 2020

THỜI GIAN 45 PHÚT

Câu 1: Biện pháp có ý nghĩa hàng đầu để bảo vệ đa dạng sinh học của nước ta là

A. xây dựng và mở rộng hệ thống vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên.

B. giao đất, giao rừng cho người dân, tránh tình trạng du canh du cư.

C. duy trì, phát triển diện tích và chất lượng rừng.

D. thực hiện các dự án trồng rừng theo kế hoạch.

Câu 2: Trên đất liền, nước ta có đường biên giới chung dài nhất với

A. Trung Quốc. B. Thái Lan. C. Campuchia. D. Lào.

Câu 3: Yếu tố tự nhiên gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp nước là:

- A. nguồn nhiệt, ẩm dồi dào.
- B. tài nguyên đất đa dạng.
- C. mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- D. sự không ổn định của khí hậu.

Câu 4: Nơi có đủ 3 đai cao ở nước ta là:

- A. vùng núi Tây Bắc. B. Trường Sơn Bắc.
- C. vùng núi Đông Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 5: Chế độ nước theo mùa của sông ngòi nước ta không bị ảnh hưởng bởi

- A. sự phân hoá theo mùa của khí hậu.
- B. lưu lượng nước từ thượng nguồn đổ về.
- C. sự phân hóa lượng mưa theo mùa.
- D. địa hình đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ.

Câu 6: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH

(Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
TP. Hồ Chí Minh	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

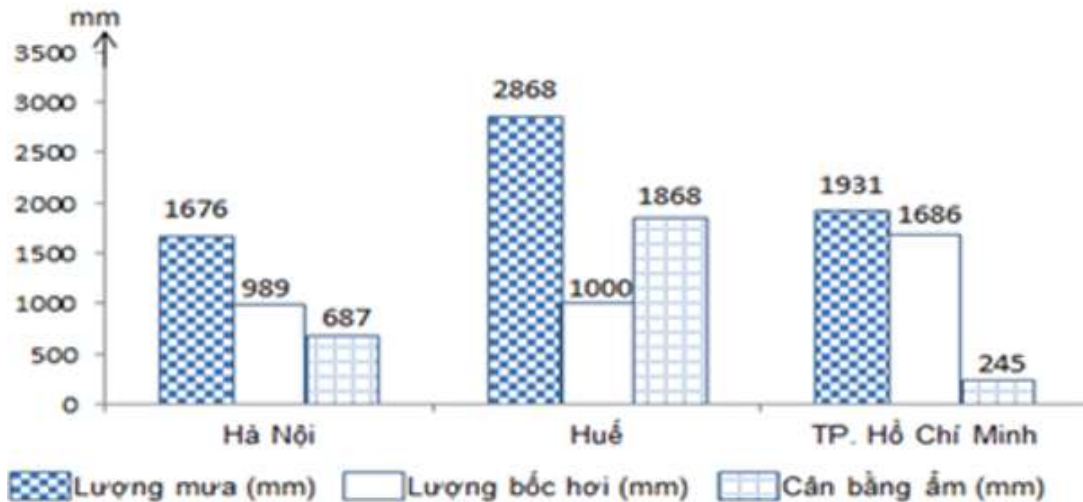
Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về nhiệt độ của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

- A. Nhiệt độ trung bình tháng VII ở Hà Nội cao hơn TP. Hồ Chí Minh.
- B. Nhiệt độ trung bình tháng I ở Hà Nội thấp hơn TP. Hồ Chí Minh.
- C. Số tháng có nhiệt độ trên 20°C ở TP. Hồ Chí Minh nhiều hơn Hà Nội.
- D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội nhỏ hơn TP. Hồ Chí Minh.

Câu 7: Chồng bão phải luôn kết hợp với chống lụt, úng ở đồng bằng, vì:

- A. bão thường có gió mạnh. B. bão là thiên tai bất thường.
- C. trên biển, bão gây sóng to. D. lượng mưa trong bão thường lớn.

Câu 8: Cho biểu đồ:



Lượng mưa trung bình năm ở Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh lần lượt là:

- A. 687; 1868; 245.
- B. 1676; 2868; 1931.
- C. 2665; 3868; 3671.
- D. 2665; 3868; 3671.

Câu 9: Đất ở đồng bằng ven biển miền Trung có đặc điểm:

- A. đất nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.
- B. đất bị bạc màu, nhiễm phèn, nhiễm mặn.
- C. đất chua, nghèo mùn, khó sản xuất.
- D. đất tơi xốp, màu mỡ, giàu dinh dưỡng.

Câu 10: Đặc điểm nào của Biển Đông có ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta?

- A. Diện tích thuộc phần biển ở nước ta gần 1 triệu km².
- B. Có thềm lục địa mở rộng ở hai đầu và thu hẹp ở giữa.
- C. Là vùng biển tương đối kín.
- D. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 11: Vào giữa và cuối mùa hạ, do ảnh hưởng của áp thấp Bắc Bộ nên gió mùa Tây Nam khi vào Bắc Bộ nước ta di chuyển theo hướng:

- A. tây bắc. B. đông nam. C. đông bắc. D. tây nam.

Câu 12: Để phòng chống khô hạn ở nước ta về lâu dài, cần:

- A. thực hiện kĩ thuật canh tác trên đất dốc.
- B. bố trí nhiều trạm bơm nước.
- C. tăng cường trồng và bảo vệ rừng.
- D. xây dựng các công trình thủy lợi hợp lí.

Câu 13: Ý nào sau đây phản ánh đặc điểm địa hình của miền tự nhiên Tây Bắc và Bắc Trung Bộ của nước ta?

- A. Địa hình thấp; hướng núi vòng cung; đồng bằng thu hẹp.
- B. địa hình cao, hướng núi tây bắc - đông nam; đồng bằng mở rộng.
- C. Địa hình gồm các khối núi cổ, các sơn nguyên bóc mòn, các cao nguyên ba dan.
- D. Địa hình cao, hướng núi tây bắc - đông nam; đồng bằng thu hẹp.

Câu 14: Đồng bằng sông Cửu Long đất phèn, đất mặn chiếm diện tích lớn không phải do?

- A. Nhiều cửa sông, nước triều lấn sâu.
- B. Được phù sa bồi đắp hàng năm.
- C. Có mùa khô kéo dài và sâu sắc.
- D. Địa hình thấp, nhiều ô trũng.

Câu 15: Hiện tượng ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long do:

- A. diện mưa bão rộng và mật độ xây dựng cao.
- B. mưa bão lớn, lũ nguồn về.
- C. mưa lớn và triều cường.
- D. mật độ xây dựng cao, triều cường.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây không tiếp giáp với Lào?

- A. Sơn La. B. Kon Tum. C. Điện Biên. D. Gia Lai.

Câu 17: Cho bảng số liệu:

BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH RỪNG VÀ ĐỘ CHE PHỦ RỪNG NƯỚC TA

GIAI ĐOẠN 1943 – 2005

Năm	1943	1975	1983	1990	1999	2005
Tổng diện tích rừng (triệu ha)	14,3	9,6	7,2	9,2	10,9	12,4
Độ che phủ (%)	43,8	29,1	22,0	27,8	33,2	37,7

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình biến động diện tích rừng và độ che phủ rừng thời kì 1945 – 2005

- A. Đường B. Kết hợp C. Cột D. Miền

Câu 18: Loại khoáng sản có tiềm năng vô tận ở vùng biển nước ta là:

- A. muối biển. B. dầu khí.
- C. titan. D. cát trắng.

Câu 19: Nơi có thềm lục địa hẹp nhất nước ta thuộc vùng biển của khu vực

- A. Bắc Trung Bộ. B. Nam Trung Bộ.
- C. Bắc Bộ. D. Nam Bộ.

Câu 20: Từ độ cao 1600 - 1700 m trở lên của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta có các loại đất chủ yếu là:

- A. đất feralit có mùn. B. đất mùn thô.
C. đất feralit. D. đất mùn.

Câu 21: Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam của nước ta mang sắc thái của vùng khí hậu

- A. nhiệt đới ẩm gió mùa.
B. cận xích đạo gió mùa.
C. cận xích đạo.
D. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

Câu 22: Theo giờ GMT, lãnh thổ phần đất liền của nước ta chủ yếu nằm ở múi giờ thứ

- A. 8. B. 6. C. 7. D. 9.

Câu 23: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết vùng nào sau đây tập trung nhiều đất phèn nhất?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 24: Vùng biển có ranh giới ngoài cùng là đường biên giới quốc gia trên biển, đó là vùng:

- A. tiếp giáp lãnh hải. B. thềm lục địa.
C. lãnh hải. D. nội thủy.

Câu 25: Tại vùng biển nước ta, động đất tập trung ở đâu?

- A. Ven biển Nam Trung Bộ.
B. Ven biển vùng Đông Nam Bộ.
C. Ven biển Bắc Trung Bộ.
D. Ven biển đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 26: Nhận định nào sau đây không đúng với thế mạnh của khu vực đồng bằng nước ta?

- A. Phát triển giao thông vận tải đường bộ, đường sông.
B. Các sông có trữ năng thủy điện lớn.
C. Là cơ sở phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với cơ cấu sản phẩm đa dạng.
D. Thuận lợi tập trung các thành phố, các khu công nghiệp.

Câu 27: Nước ta, đai cao cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc hạ thấp hơn so với miền Nam, vì

- A. có nền nhiệt độ thấp hơn. B. có nền nhiệt độ cao hơn.
C. chịu tác động của gió mùa. D. Không chịu tác động của gió mùa.

Câu 28: Đặc điểm địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi thấp, đã làm cho

- A. thiên nhiên nước ta phân hóa đa dạng.
B. tính chất nhiệt đới của thiên nhiên nước ta được bảo toàn.
C. phần lớn các vùng thiên nhiên mang tính chất cận nhiệt đới.

D. phá vỡ tính chất nhiệt đới của thiên nhiên nước ta.

Câu 29: Địa hình nước ta không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B. Địa hình ít chịu tác động của con người.
- C. Nhiều đồi núi nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.
- D. Cấu trúc địa hình khá đa dạng.

Câu 30: Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở đồng bằng nước ta là

- A. ngăn chặn nạn du canh, du cư.
- B. áp dụng biện pháp nông - lâm kết hợp.
- C. thực hiện kĩ thuật canh tác trên đất dốc.
- D. chống suy thoái và ô nhiễm đất.

Câu 31: Đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa, là do nhân tố nào sau đây quy định?

- A. Khí hậu. B. Địa hình.
- C. Vị trí địa lí. D. Sông ngòi.

Câu 32: Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng là do:

- A. tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm.
- B. Các bazơ như Ca^{2+} , K^+ ... bị rửa trôi.
- C. Đặc điểm của đá mẹ.
- D. Nhiều vi sinh vật hoạt động.

Câu 33: Động, thực vật chiếm ưu thế của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là:

- A. các loài thuộc vùng nhiệt đới. B. các loài vùng cận xích đạo.
- C. các loài từ phương Nam di cư lên. D. các loài thuộc vùng xích đạo.

Câu 34: Địa hình của vùng núi Đông Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Địa hình cao nhất nước, hướng tây bắc - đông nam.
- B. Bất đối xứng rõ rệt giữa sườn Đông - Tây, hướng vòng cung.
- C. Chủ yếu là đồi núi thấp, hướng vòng cung.
- D. Thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu, thấp ở giữa, hướng tây bắc - đông nam.

Câu 35: Để đảm bảo vai trò của rừng trong bảo vệ môi trường ở nước ta thì độ che phủ rừng cần phải đạt là

- A. 35 - 40 %. B. 60 - 70 %. C. 45 - 50 %. D. 70 - 80 %.

Câu 36: Theo cách chia hiện nay, số lượng các miền địa lí tự nhiên của nước ta là

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 37: Hình dạng lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang và hướng nghiêng của địa hình đã tác động đến tự nhiên nước ta:

- A. thiên nhiên từ Bắc vào Nam của nước ta khá đồng nhất.

- B. ảnh hưởng của biển vào trong đất liền không rõ rệt.
- C. tạo điều kiện cho tính biển xâm nhập sâu vào đất liền.
- D. thiên nhiên nước ta có sự phân hoá theo độ cao địa hình.

Câu 38: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Hồng?

- A. Sông Mã. B. Sông Đà. C. Sông Cả. D. Sông Cầu.

Câu 39: Địa hình đồi núi thấp có độ cao trung bình 500 - 600m của vùng núi Đông Bắc nước ta tập trung chủ yếu ở:

- A. giáp biên giới Việt - Trung. B. khu vực trung tâm của vùng.
- C. khu vực phía bắc của vùng. D. thượng nguồn sông Chảy.

Câu 40: Hệ sinh thái rừng nguyên sinh ở nước ta là

- A. rừng thưa khô rụng lá.
- B. rừng gió mùa thường xanh.
- C. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- D. rừng gió mùa nửa rụng lá.

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – SỐ 2

Câu 1: Các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học:

- Xây dựng và mở rộng hệ thống vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên.
- Ban hành “Sách đỏ Việt Nam”.
- Quy định việc khai thác (cấm khai thác gỗ quý, khai thác gỗ trong rừng cấm, rừng non, gây cháy rừng; cấm săn bắn động vật trái phép; cấm dùng chất nổ đánh bắt cá và các dụng cụ đánh bắt cá con, cá bột; cấm gây độc hại cho môi trường nước.

Chọn: A.

Câu 2: Biên giới nước ta tiếp giáp với:

- + Phía Bắc giáp Trung Quốc với đường biên giới dài 1400km.
 - + Phía Tây giáp Lào 2100km, Campuchia hơn 1100km.
- Biên giới Việt – Lào dài nhất

Chọn: D.

Câu 3: Sự không ổn định của khí hậu là yếu tố làm tăng thêm tính bấp bênh cho sản xuất nông nghiệp.

Chọn: D.

Câu 4: Tây Bắc là nơi duy nhất có đầy đủ 3 đai cao ở nước ta do địa hình có núi cao nhất cả nước.

Chọn: A.

Câu 5: Chế độ nước theo mùa của sông ngòi nước ta chịu ảnh hưởng của sự phân hóa lượng mưa, khí hậu, nguồn cung cấp nước → A, B, C đúng.

Chọn: D.

Câu 6: Do vị trí và ảnh hưởng của các khối khí nên biên độ nhiệt trung bình năm của Hà Nội lớn (12,5°C) cao hơn ở TP.Hồ Chí Minh (3,1°C).

Chọn: D.

Câu 7: Chồng bão phải luôn kết hợp với chống lụt, úng ở đồng bằng, vì lượng mưa trong bão thường lớn, kéo dài, vùng đồng bằng lại thấp bằng phẳng dễ lụt, úng.

Chọn: D.

Câu 8: Quan sát biểu đồ nhận thấy lượng mưa (cột đầu tiên ở mỗi nhóm cột) của 3 địa điểm lần lượt là: 1676; 2868; 1931.

Chọn: B.

Câu 9: Do vai trò của biển trong việc hình thành đồng bằng lớn nên đất ở đồng bằng ven biển miền Trung có đặc điểm: đất nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.

Chọn: A.

Câu 10: Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của Biển Đông có ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta đặc biệt là trên bình diện ẩm của khí hậu.

Chọn: D.

Câu 11: Vào giữa và cuối mùa hạ, do ảnh hưởng của áp thấp Bắc Bộ nên gió mùa Tây Nam khi vào Bắc Bộ nước ta di chuyển theo hướng đông nam.

Chọn: B.

Câu 12: tăng cường trồng và bảo vệ rừng có tác dụng giữ nước, giữ đất. là biện pháp phòng chống khô hạn ở nước ta về lâu dài.

Chọn: C.

Câu 13: Đặc điểm địa hình cơ bản của miền tự nhiên Tây Bắc và Bắc Trung Bộ: địa hình cao, các dãy núi xen kẽ các thung lũng sông theo hướng tây bắc – đông nam với các dải đồng bằng thu hẹp.

Chọn: D.

Câu 14: Đồng bằng sông Cửu Long đất phèn, đất mặn chiếm diện tích lớn là do: Địa hình thấp, nhiều ô trũng; Địa hình thấp, nhiều ô trũng; Có mùa khô kéo dài và sâu sắc.

Chọn: B.

Câu 15: Hiện tượng ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long do: mưa lớn và triều cường.

Chọn: C.

Câu 16: Gia Lai tiếp giáp với Cam Pu Chia, Kon Tum, Bình Định, Phú Yên, Quảng Ngãi, Đắk Lắk.

Chọn: D.

Câu 17: Dựa vào bảng số liệu đã cho và kĩ năng nhận diện biểu đồ, biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị các đối tượng có đơn vị khác nhau là biểu đồ kết hợp; cụ thể tổng diện tích rừng vẽ cột, độ che phủ vẽ đường.

Chọn: B.

Câu 18: Loại khoáng sản có tiềm năng vô tận ở vùng biển nước ta là muối biển.

Chọn: A.

Câu 19: Nơi có thêm lục địa hẹp nhất nước ta thuộc vùng biển của khu vực Nam Trung Bộ. Quan sát Atlas trang 6 -7 để nhận thấy khu vực vùng biển Nam Trung Bộ, các đường đẳng sâu xếp xít nhau, thêm lục địa hẹp, biển sâu, dốc mau xuống độ sâu 2000m)

Chọn: B.

Câu 20: Từ độ cao 1600 - 1700 m trở lên của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta quá trình feralit ngừng trệ, hình thành đất mùn.

Chọn: D.

Câu 21: Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam của nước ta mang sắc thái của vùng khí hậu cận xích đạo gió mùa.

Chọn: B.

Câu 22: Theo giờ GMT, lãnh thổ phần đất liền của nước ta chủ yếu nằm ở múi giờ thứ 7.

Chọn: C.

Câu 23: Đồng bằng sông Cửu Long là vùng tập trung nhiều đất phèn nhất nước ta.

Chọn: C.

Câu 24: lãnh hải chính là đường biên giới quốc gia trên biển.

Chọn: C.

Câu 25: Tại vùng ven biển, động đất thường tập trung ở ven biển Nam Trung Bộ.

Chọn: A.

Câu 26: Các sông có trữ năng thủy điện lớn là thế mạnh thuộc vùng đồi núi.

Chọn: B.

Câu 27: Ở nước ta, đai cao cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc hạ thấp hơn so với miền Nam vì miền Bắc có nền nhiệt độ thấp hơn (do ảnh hưởng của gió mùa mùa đông) nên chỉ cần tới 600-700m khí hậu đã mát mẻ, đạt tiêu chuẩn đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi

Chọn: A.

Câu 28: Đặc điểm địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi thấp, đã làm cho tính chất nhiệt đới của thiên nhiên nước ta được bảo toàn.

Chọn: B.

Câu 29: Địa hình nước ta có đặc điểm: địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp, cấu trúc địa hình khá đa dạng, Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa, địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.

Chọn: B.

Câu 30: Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở đồng bằng nước ta là chống suy thoái và ô nhiễm đất.

Chọn: D.

Câu 31: Đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa, là do nhân tố vị trí địa lí quy định.

Chọn: C.

Câu 32: Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng là do tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm.

Chọn: A.

Câu 33: Động, thực vật chiếm ưu thế của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là: các loài thuộc vùng nhiệt đới.

Chọn: A.

Câu 34: Chủ yếu là đồi núi thấp, hướng vòng cung là đặc điểm của vùng núi Đông Bắc.

Chọn: C.

Câu 35: Để đảm bảo vai trò của rừng trong bảo vệ môi trường ở nước ta thì độ che phủ rừng cần phải đạt là 45 - 50 %.

Chọn: C.

Câu 36: Nước ta có 3 miền địa lí: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Chọn: B

Câu 37: Hình dạng lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang và hướng nghiêng của địa hình đã tác động đến tự nhiên nước ta: tạo điều kiện cho tính biển xâm nhập sâu vào đất liền.

Chọn: C.

Câu 38: Sông Đà thuộc hệ thống sông Hồng.

Chọn: B.

Câu 39: Địa hình đồi núi thấp có độ cao trung bình 500 - 600m của vùng núi Đông Bắc nước ta tập trung chủ yếu ở khu vực trung tâm của vùng.

Chọn: B.

Câu 40: Hệ sinh thái rừng nguyên sinh ở nước ta là rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

Chọn: C.

3. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 12 – Số 3

TRƯỜNG THPT PHAN VĂN TRỊ

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2019 – 2020

THỜI GIAN 45 PHÚT

Câu 1: Đất feralit ở nước ta có đặc điểm cơ bản là

- A. đất chua, có màu xám đỏ. B. đất chua, có màu đỏ vàng.
C. đất chua, có màu đỏ. D. đất chua, có màu vàng.

Câu 2: Ý nào sau đây không phải là biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất vùng đồi núi nước ta?

- A. Chuyển đất rừng sang đất thổ cư.
B. Áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác.
C. Bảo vệ rừng và đất rừng.
D. Định canh, định cư cho dân cư miền núi.

Câu 3: Đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ có đặc điểm tự nhiên nào sau đây?

- A. Đồng bằng mở rộng với các bãi triều thấp phẳng, thềm lục địa rộng.
- B. Đường bờ biển khúc khuỷu, thềm lục địa thu hẹp.
- C. Các dạng địa hình mài mòn rất phổ biến.
- D. Địa hình hẹp ngang và bị chia cắt thành những đồng bằng nhỏ.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Đồng Nai?

- A. Sông Bé. B. Sông Ba. C. Sông Hậu. D. Sông Tiền.

Câu 5: Biện pháp đầu tiên và quan trọng nhất trong phòng chống bão ở nước ta là

- A. Đưa tàu thuyền về nơi trú ẩn an toàn.
- B. Dự báo quá trình hình thành và hướng đi của bão.
- C. Thực hiện sơ tán dân khi có bão mạnh.
- D. Củng cố hệ thống các công trình đê biển.

Câu 6: Nước ta liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và Địa Trung Hải nên

- A. tài nguyên khoáng sản phong phú. B. thiên nhiên phân hóa đa dạng.
- C. tài nguyên sinh vật phong phú. D. khí hậu có hai mùa rõ rệt.

Câu 7: Nhận định đúng nhất về ý nghĩa quan trọng của tài nguyên rừng nước ta là:

- A. Hạn chế tình trạng thiên tai ngày càng gia tăng.
- B. Mang lại lợi ích kinh tế và đảm bảo việc cân bằng sinh thái môi trường.
- C. Góp phần ổn định cuộc sống của dân cư khu vực đồi núi.
- D. Góp phần quan trọng trong bảo vệ tài nguyên đất và tài nguyên nước.

Câu 8: Động, thực vật tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Nam nước ta là

- A. các loài thuộc vùng xích đạo và nhiệt đới.
- B. các loài từ phương Bắc di cư xuống.
- C. các loài vùng cận nhiệt đới.
- D. các loài vùng ôn đới.

Câu 9: Ở vùng ven biển nước ta dạng địa hình nào sau đây thuận lợi nhất cho nuôi trồng thủy hải sản?

- A. Các rạn san hô. B. Vịnh cửa sông.
- C. Các bãi triều rộng. D. Các đảo ven bờ.

Câu 10: Loại gió nào sau đây có cơ chế hoạt động quanh năm ở nước ta?

- A. Tín phong bán cầu Bắc. B. Gió mùa Đông Bắc.
- C. Gió mùa Đông Nam. D. Gió mùa Tây Nam.

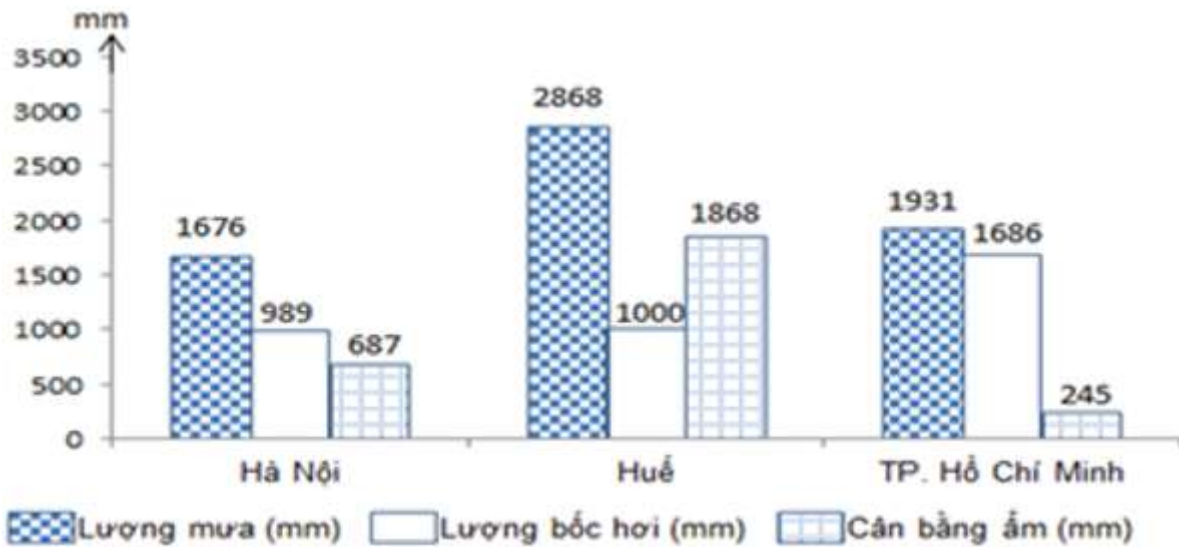
Câu 11: Nhịp điệu dòng chảy của sông ngòi nước ta theo sát

- A. chế độ nhiệt. B. hướng các dòng sông.
- C. chế độ mưa. D. hướng các dãy núi.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây tiếp giáp với Campuchia?

- A. Điện Biên. B. Sơn La.
C. Quảng Nam. D. Gia Lai.

Câu 13: Cho biểu đồ:



Nhận xét nào đúng với biểu đồ trên:

- A. Huế có lượng mưa cao nhất, cao hơn Hà Nội 1,5 lần.
B. Huế có lượng mưa cao nhất, cao hơn Hà Nội 1,7 lần.
C. Huế có lượng mưa cao nhất, cao hơn TP Hồ Chí Minh 1,3 lần.
D. Huế có lượng mưa cao nhất, Hà Nội có lượng mưa đứng thứ 2.

Câu 14: Hướng vòng cung thể hiện rõ ở các vùng núi nào của nước ta?

- A. Đông Bắc và Trường Sơn Nam.
B. Tây Bắc và Trường Sơn Nam.
C. Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.
D. Tây Bắc và Trường Sơn Bắc.

Câu 15: Tính đa dạng cao của sinh vật nước ta được thể hiện ở

- A. số lượng thành phần loài, nguồn gen quý hiếm và các khu dự trữ sinh quyển.
B. số lượng thành phần loài, nguồn gen quý hiếm và các loài trong sách đỏ.
C. số lượng thành phần loài, nguồn gen quý hiếm và kiểu hệ sinh thái.
D. số lượng thành phần loài, nguồn gen quý hiếm và hệ thống vườn quốc gia.

Câu 16: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ ĐỘ CHE PHỦ RỪNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1943 - 2014

Năm	Tổng	Trong đó		Độ che phủ (%)
		Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (Triệu ha)	
1943	14,3	14,3	0	43,0
1983	7,2	6,8	0,4	22,0
2005	12,7	10,2	2,5	38,0
2014	13,8	10,1	3,7	41,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện diện tích và độ che phủ rừng của nước ta trong thời gian trên, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ đường. B. Biểu đồ miền.
C. Biểu đồ kết hợp. D. Biểu đồ cột.

Câu 17: Đai cao ôn đới gió mùa trên núi không có ở miền Nam nước ta, vì

- A. có nền nhiệt cao.
B. chịu tác động của Tín phong Bắc bán cầu.
C. ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
D. địa hình không đủ độ cao.

Câu 18: Độ ẩm không khí của nước ta cao đã gây khó khăn cho việc

- A. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.
B. đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi.
C. phát triển lâm nghiệp.
D. bảo quản máy móc, thiết bị, nông sản.

Câu 19: Khu vực thể hiện rõ nhất sự phân hóa theo Đông - Tây của thiên nhiên nước ta là:

- A. vùng biển. B. vùng đồng bằng ven biển.
C. vùng đồi núi. D. vùng thềm lục địa.

Câu 20: Đặc điểm khí hậu đặc trưng của phần lãnh thổ phía Nam nước ta là:

- A. nóng quanh năm. B. biên độ nhiệt độ năm lớn.
C. có 3 tháng lạnh. D. mưa đều trong năm.

Câu 21: Đất ở đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm

- A. đất nghèo dinh dưỡng, nhiều cát, ít phù sa sông.
B. diện tích đất mặn, đất phèn chiếm tỉ lệ lớn.

C. chủ yếu là đất phù sa cổ và đất ba dan.

D. vùng trong đê đất bị bạc màu.

Câu 22: Thời gian hoạt động mạnh nhất của bão ở nước ta là

A. tháng VII. B. tháng VI. C. Tháng VIII. D. tháng IX.

Câu 23: Rừng thưa nhiệt đới khô tập trung nhiều nhất ở khu vực nào của nước ta?

A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Tây Nguyên. D. Đông Nam Bộ.

Câu 24: Địa hình của vùng núi Trường Sơn Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?

A. Có sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn Đông - Tây, hướng vòng cung.

B. Địa hình cao nhất cả nước, hướng tây bắc - đông nam.

C. Thấp, hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu, thấp trũng ở giữa, hướng tây bắc - đông nam.

D. Chủ yếu là đồi núi thấp, hướng tây bắc - đông nam.

Câu 25: Thuận lợi nào sau đây không phải là chủ yếu của khu vực đồng bằng nước ta?

A. Là cơ sở để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng hóa cây trồng.

B. Là nơi tập trung các khu công nghiệp, thành phố, trung tâm thương mại.

C. Địa bàn thuận lợi nhất để phát triển cây công nghiệp dài ngày.

D. Cung cấp các nguồn lợi khác về thủy sản, lâm sản, khoáng sản.

Câu 26: Trên đất liền, nước ta có đường biên giới chung ngắn nhất với

A. Lào. B. Campuchia.

C. Thái Lan. D. Trung Quốc.

Câu 27: Hệ sinh thái rừng ngập mặn điển hình nhất của nước ta tập trung chủ yếu ở

A. Bắc Trung Bộ. B. Bắc Bộ.

C. Nam Trung Bộ. D. Nam Bộ.

Câu 28: Tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở, đó là vùng:

A. tiếp giáp lãnh hải.

B. đặc quyền kinh tế.

C. thềm lục địa.

D. lãnh hải.

Câu 29: Khu vực có hoạt động động đất biểu hiện rất yếu ở nước ta là

A. Nam Trung Bộ. B. Nam Bộ.

C. Bắc Trung Bộ. D. Tây Bắc.

Câu 30: Từ độ cao 1600 - 1700m trở xuống của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta có các loại đất chủ yếu là:

A. đất phù sa. B. đất feralit.

C. đất feralit có mùn. D. đất mùn thô.

Câu 31: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH

(Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Tp.Hồ Chí Minh	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về nhiệt độ của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

- A. Nhiệt độ trung bình tháng VII ở Hà Nội cao hơn TP. Hồ Chí Minh.
- B. Nhiệt độ trung bình tháng I ở Hà Nội thấp hơn TP. Hồ Chí Minh.
- C. Số tháng có nhiệt độ trên 20°C ở TP. Hồ Chí Minh ít hơn Hà Nội.
- D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội lớn hơn TP. Hồ Chí Minh.

Câu 32: Nước ta có lượng mưa lớn, trung bình từ 1500 – 2000mm, nguyên nhân chính là do:

- A. vị trí nằm trong khu vực nội chí tuyến Bắc bán cầu.
- B. địa hình nhiều nơi đón gió từ biển thổi vào.
- C. nhiệt độ cao nên lượng bốc hơi lớn.
- D. các khối khí đi qua biển mang theo mưa, ẩm vào đất liền.

Câu 33: Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ của nước ta có giới hạn từ:

- A. tả ngạn sông Hồng tới dãy núi Bạch Mã.
- B. hữu ngạn sông Hồng tới dãy núi Bạch Mã.
- C. dãy núi Bạch Mã trở ra Bắc.
- D. dãy núi Bạch Mã trở vào Nam.

Câu 34: Từ Đông sang Tây, từ biển vào đất liền, thiên nhiên nước ta phân hóa thành mấy dải?

- A. 4. B. 2. C. 3. D. 5.

Câu 35: Đâu không phải là nguyên nhân dẫn đến tình trạng ngập lụt nghiêm trọng ở đồng bằng sông Hồng?

- A. Mưa bão diện rộng. B. Đê sông, đê biển bao bọc.
- C. Mật độ xây dựng cao. D. Triều cường.

Câu 36: Vùng cực Nam Trung Bộ của nước ta có điều kiện thuận lợi nhất để phát triển nghề làm muối là do:

- A. ít có bão, ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
- B. có thêm lục địa thoải kéo dài.
- C. có những hệ núi cao đâm ngang ra biển nên bờ biển khúc khuỷu.
- D. có nhiệt độ cao, nhiều nắng, chỉ có vài sông nhỏ đổ ra biển.

Câu 37: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết vùng nào sau đây tập trung đất feralit trên đá vôi nhiều nhất?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Tây Nguyên. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 38: Vùng biển nước ta giáp với vùng biển của bao nhiêu quốc gia?

- A. 7. B. 8. C. 10. D. 9.

Câu 39: Hướng địa hình và vị trí của vùng núi Đông Bắc đã làm cho khí hậu của vùng có đặc điểm

- A. gió mùa đông bắc suy yếu, mùa đông chỉ còn dưới 2 tháng lạnh.
- B. hầu như không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, nóng quanh năm.
- C. mùa đông đến sớm, kết thúc muộn và có mùa đông lạnh nhất nước.
- D. chịu ảnh hưởng mạnh của gió phơn khô nóng vào đầu mùa hạ.

Câu 40: Ranh giới giữa hai vùng núi Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam của nước ta là

- A. sông Hồng. B. sông Cả.
- C. dãy núi Hoàng Sơn. D. dãy núi Bạch Mã.

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – SỐ 3

Câu 1: Đất feralit ở nước ta có đặc điểm cơ bản là: loại đất chính ở Việt Nam. Trong điều kiện nhiệt ẩm cao, quá trình phong hóa diễn ra với cường độ mạnh, tạo nên một lớp đất dày. Mưa nhiều rửa trôi các chất badan dễ tan (Ca^{2+} , Mg^{2+} , K^+), làm đất chua, đồng thời có sự tích tụ ôxi sắt (Fe_2O_3) và ôxit nhôm (Al_2O_3) tạo ra màu đỏ vàng, vì thế loại đất này gọi là đất feralit (Fe-Al) đỏ vàng.

Chọn: B.

Câu 2: Chuyển đất rừng sang đất thổ cư không phải là biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất vùng đồi núi nước ta.

Chọn: A.

Câu 3: Đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ có đồng bằng mở rộng với các bãi triều thấp phẳng, thêm lục địa rộng.

Chọn: A.

Câu 4: sông Bé thuộc hệ thống sông Đồng Nai.

Chọn: A.

Câu 5: Biện pháp đầu tiên và quan trọng nhất trong phòng chống bão ở nước ta là: Dự báo chính xác về quá trình hình thành và hướng di chuyển của bão.

Chọn: B.

Câu 6: Nước ta liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và Địa Trung Hải nên tài nguyên khoáng sản phong phú.

Chọn: A.

Câu 7: Mang lại lợi ích kinh tế và đảm bảo việc cân bằng sinh thái môi trường là nghĩa quan trọng của tài nguyên rừng nước ta.

Chọn: B.

Câu 8: Do ảnh hưởng của khí hậu nên động, thực vật tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Nam nước ta là các loài thuộc vùng xích đạo và nhiệt đới.

Chọn: A.

Câu 9: Nhờ các bãi triều nên thuận lợi nhất cho nuôi trồng thủy hải sản.

Chọn: C.

Câu 10: Nước ta nằm trong vùng chịu ảnh hưởng của Tín phong bán cầu Bắc.

Chọn: A.

Câu 11: Nhịp điệu dòng chảy của sông ngòi nước ta theo sát chế độ mưa.

Chọn: C.

Câu 12: Gia Lai có biên giới tiếp giáp với Cam Pu Chia

Chọn: C.

Câu 13: Huế có lượng mưa cao nhất. Gấp 1,7 lần Hà Nội, gấp 1,5 lần T.P Hồ Chí Minh.

Chọn: B.

Câu 14: Hướng vòng cung là hướng núi thuộc khu vực Đông Bắc và Trường Sơn Nam.

Chọn: A.

Câu 15: Tính đa dạng cao của sinh vật nước ta được thể hiện ở số lượng thành phần loài, nguồn gen quý hiếm và kiểu hệ sinh thái.

Chọn: C.

Câu 16: Dựa vào bảng số liệu đã cho và kĩ năng nhận diện biểu đồ, biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị các đối tượng có đơn vị khác nhau là biểu đồ kết hợp; cụ thể tổng diện tích rừng vẽ cột, độ che phủ vẽ đường.

Chọn: C.

Câu 17: Đai cao ôn đới gió mùa trên núi không có ở miền Nam nước ta, vì địa hình không đủ độ cao.

Chọn: D.

Câu 18: Độ ẩm không khí của nước ta cao đã gây khó khăn cho việc bảo quản máy móc, thiết bị, nông sản.

Chọn: D.

Câu 19: Khu vực thể hiện rõ nhất sự phân hóa theo Đông - Tây của thiên nhiên nước ta là vùng đồi núi (Tây Bắc – Đông Bắc).

Chọn: C.

Câu 20: Đặc điểm khí hậu đặc trưng của phần lãnh thổ phía Nam nước ta là có nền nhiệt cao, nóng quanh năm.

Chọn: A.

Câu 21: Đất ở đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm diện tích đất mặn, đất phèn chiếm tỉ lệ lớn.

Chọn: B.

Câu 22: Thời gian hoạt động mạnh nhất của bão ở nước ta là tháng 8.

Chọn: C.

Câu 23: Rừng thưa nhiệt đới khô tập trung nhiều nhất ở Tây Nguyên do ở đây có mùa khô sâu sắc.

Chọn: C.

Câu 24: Địa hình của vùng núi Trường Sơn Bắc có đặc điểm: thấp, hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu, thấp trũng ở giữa, hướng tây bắc - đông nam.

Chọn: A.

Câu 25: Khu vực đồng bằng nước ta

+ Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng các loại nông sản, đặc biệt là gạo.

+ Cung cấp các nguồn lợi thiên nhiên khác như khoáng sản, thủy sản và lâm sản.

+ Là nơi có điều kiện để tập trung các thành phố, các khu công nghiệp và các trung tâm thương mại.

Vậy, C sai.

Chọn: C.

Câu 26: Biên giới nước ta tiếp giáp với:

+ Phía Bắc giáp Trung Quốc với đường biên giới dài 1400km.

+ Phía Tây giáp Lào 2100km, Campuchia hơn 1100km.

Biên giới Việt – CamPuChia ngắn nhất

Chọn: B.

Câu 27: Hệ sinh thái rừng ngập mặn điển hình nhất của nước ta tập trung chủ yếu ở vùng Nam Bộ.

Chọn: D.

Câu 28: Tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở, đó là vùng đặc quyền kinh tế.

Chọn: B.

Câu 29: Khu vực có hoạt động động đất biểu hiện rất yếu ở nước ta là ở Nam Bộ.

Chọn: B.

Câu 30: Từ độ cao 1600 - 1700m trở xuống của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta nhiệt độ đã giảm và làm hạn chế quá trình phân giải chất hữu cơ, mùn được tích lũy, hình thành đất feralit có mùn với đặc tính chua.

Chọn: C.

Câu 31: Số tháng có nhiệt độ trên 20°C ở TP. Hồ Chí Minh (12 Tháng), nhiều hơn Hà Nội (9 tháng).

Chọn: C.

Câu 32: Nước ta có lượng mưa lớn, trung bình từ 1500 – 2000mm là do ảnh hưởng của các khối khí đi qua biển mang theo mưa, ẩm vào đất liền.

Chọn: D.

Câu 33: Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ của nước ta có giới hạn từ: dãy núi Bạch Mã trở vào Nam.

Chọn: D.

Câu 34: Từ Đông sang Tây, từ biển vào đất liền, thiên nhiên nước ta phân hóa thành 3 dải: Vùng biển và thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển, vùng đồi núi.

Chọn: C.

Câu 35: Triều cường không phải là nguyên nhân dẫn đến tình trạng ngập lụt nghiêm trọng ở đồng bằng sông Hồng.

Chọn: D.

Câu 36: Vùng cực Nam Trung Bộ của nước ta có điều kiện thuận lợi nhất để phát triển nghề làm muối là do: có nhiệt độ cao, nhiều nắng, chỉ có vài sông nhỏ đổ ra biển.

Chọn: D.

Câu 37: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11 (đất), xác định kí hiệu trung đất feralit trên đá vôi. Vùng tập trung đất feralit trên đá vôi nhiều nhất là Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Chọn: B.

Câu 38: Vùng biển nước ta tiếp giáp với vùng biển của Trung Quốc, Philippin, Malaixia, Brunay, Indonexia, Xingapo, Thái Lan, Campuchia.

Chọn: B.

Câu 39: Hướng địa hình (vòng cung) và vị trí của vùng núi Đông Bắc đã đón gió mùa, làm cho khí hậu của vùng có đặc điểm mùa đông đến sớm, kết thúc muộn và có mùa đông lạnh nhất nước.

Chọn: C.

Câu 40: Ranh giới giữa hai vùng núi Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam của nước ta là dãy núi Bạch Mã.

Chọn: D.

4. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 12 – Số 4

TRƯỜNG THPT TRẦN QUỐC TOẢN

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2019 – 2020

THỜI GIAN 45 PHÚT

Câu 1: Nhiệt độ nước Biển Đông có đặc điểm nào sau đây?

- A. Cao và giảm dần từ Bắc vào Nam.
- B. Thấp và tăng dần từ Bắc vào Nam.
- C. Cao và tăng dần từ Bắc vào Nam.
- D. Thấp và giảm dần từ Bắc vào Nam.

Câu 2: Dải đồng bằng ven biển miền Trung không liên tục mà bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ do:

- A. có nhiều dãy núi lan ra sát biển.
- B. có nhiều cồn cát, đầm phá.
- C. sông ngòi có lượng phù sa nhỏ.
- D. hay xảy ra thiên tai.

Câu 3: Ở nước ta, vùng chịu ảnh hưởng nhiều nhất các thiên tai từ Biển Đông là

- A. ven biển đồng bằng Nam Bộ.
- B. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- C. ven biển đồng bằng Bắc Bộ.
- D. ven biển miền Trung.

Câu 4: Phần lớn lãnh thổ nước ta có độ cao:

- A. dưới 200m. B. Từ 1000 - 2000m.
- C. Dưới 1000m. D. Trên 2000m.

Câu 5: Lượng nước thiếu hụt vào mùa khô ở miền Bắc không nhiều như ở miền Nam nước ta là do:

- A. có mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- B. sự điều tiết của các hồ chứa nước.
- C. nguồn nước ngầm phong phú.
- D. có mưa phùn vào cuối mùa đông.

Câu 6: Đặc điểm khí hậu của đai nhiệt đới gió mùa ở nước ta là:

- A. nền nhiệt cao, mùa hạ nóng, độ ẩm thay đổi tùy nơi.
- B. nền nhiệt cao, mùa hạ nóng, mưa tăng theo độ cao.
- C. nền nhiệt cao, khí hậu khắc nghiệt.
- D. nền nhiệt cao, mùa hạ nóng, mùa đông lạnh.

Câu 7: Đường bờ biển nước ta kéo dài từ:

- A. Móng Cái đến Cà Mau. B. Móng Cái đến Hà Tiên.
- C. Lạng Sơn đến Cà Mau. D. Móng Cái đến Bạc Liêu.

Câu 8: Gió mùa Tây Nam hoạt động vào giữa và cuối mùa hạ ở nước ta có nguồn gốc từ áp cao nào sau đây?

- A. Cận chí tuyến Bắc bán cầu. B. Cận chí tuyến Nam bán cầu.
- C. Áp cao Xibia. D. Bắc Ấn Độ Dương.

Câu 9: Tài nguyên sinh vật dưới nước, đặc biệt là nguồn hải sản của nước ta bị giảm sút rõ rệt chủ yếu do nguyên nhân nào?

- A. Biến đổi khí hậu và tình trạng xâm nhập mặn.
- B. Khai thác quá mức và tình trạng ô nhiễm môi trường nước.
- C. Khai thác quá mức và tình trạng thu hẹp diện tích rừng ngập mặn.
- D. Mở rộng phạm vi, ngư trường đánh bắt xa bờ.

Câu 10: Địa hình vùng núi Trường Sơn Nam nước ta có đặc điểm nào sau đây?

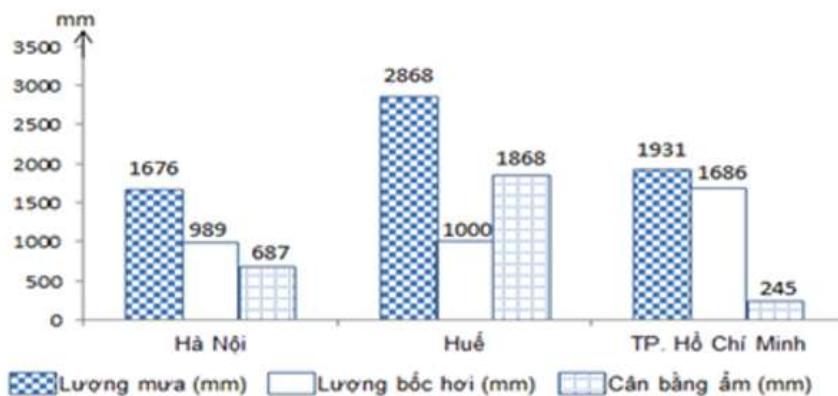
- A. Có sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn Đông - Tây, hướng vòng cung.
- B. Thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu, thấp ở giữa, hướng tây bắc - đông nam.
- C. Chủ yếu là đồi núi thấp, hướng tây bắc - đông nam.
- D. Địa hình cao nhất nước, hướng tây bắc - đông nam.

Câu 11: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ của nước ta có giới hạn từ:

- A. dãy núi Bạch Mã trở ra Bắc.
- B. tả ngạn sông Hồng tới dãy núi Bạch Mã.
- C. dãy núi Bạch Mã trở vào Nam.
- D. hữu ngạn sông Hồng tới dãy núi Bạch Mã.

Câu 12: Cho biểu đồ:

LƯỢNG MƯA, LƯỢNG BỐC HƠI VÀ CÂN BẰNG ẨM Ở MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM



Nhận xét nào đúng với biểu đồ trên:

- A. Hà Nội có lượng mưa cao nhất, cao hơn Huế 1,5 lần.
- B. Hà Nội có lượng mưa thấp nhất, thấp hơn Huế 1,7 lần.
- C. Hà Nội có lượng mưa thấp nhất, thấp hơn TP Hồ Chí Minh 1,3 lần.
- D. Hà Nội có lượng mưa cao nhất, Huế có lượng mưa đứng thứ 2.

Câu 13: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH
(Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Tp.Hồ Chí Minh	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về nhiệt độ của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

- A. Nhiệt độ trung bình tháng VII ở Hà Nội thấp hơn TP. Hồ Chí Minh.
- B. Nhiệt độ trung bình tháng I ở Hà Nội thấp hơn TP. Hồ Chí Minh.
- C. Số tháng có nhiệt độ trên 20°C ở TP. Hồ Chí Minh nhiều hơn Hà Nội.
- D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội lớn hơn TP. Hồ Chí Minh.

Câu 14: Yếu tố quy định tính chất mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp nước ta là:

- A. lao động mang tính mùa vụ.
- B. sự phân hóa theo mùa của khí hậu.
- C. tính chất nhiệt đới của khí hậu.
- D. sự biến động của thị trường.

Câu 15: Vùng nào sau đây có thủy triều lên cao nhất và lặn vào sâu nhất ở nước ta?

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 16: Nước ta có thể giao lưu kinh tế thuận lợi với các nước trên thế giới là do vị trí:

- A. nằm trong khu vực nội chí tuyến Bắc bán cầu.
- B. nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa.
- C. nằm trên ngã tư đường hàng hải, hàng không quốc tế.
- D. nằm ở khu vực có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa – xã hội.

Câu 17: Đại nhiệt đới gió mùa ở nước ta có các loại đất chủ yếu là

- A. đất feralit và đất phù sa. B. đất feralit và đất mùn.
- C. đất mùn thô và đất mùn. D. đất feralit có mùn và đất mùn.

Câu 18: Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc nước ta đặc trưng cho vùng khí hậu

- A. cận xích đạo gió mùa.
- B. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

- C. cận xích đạo.
- D. nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây tiếp giáp với Trung Quốc?

- A. Lào Cai. B. Sơn La. C. Gia Lai. D. Kon Tum.

Câu 20: Mức độ ngập lụt ở đồng bằng sông Hồng càng trở nên nghiêm trọng hơn là do

- A. mặt đất thấp. B. diện mưa bão rộng.
- C. có đê sông, đê biển bao bọc D. mật độ xây dựng cao.

Câu 21: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Thái Bình?

- A. Sông Đà B. Sông Mã C. Sông Cả D. Sông Cầu

Câu 22: Nguyên nhân nào đã gây ra mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ nước ta vào nửa cuối mùa đông?

- A. Gió Tây Nam từ vịnh Bengan thổi vào.
- B. Gió Mậu dịch nửa cầu Bắc hoạt động mạnh.
- C. Gió Mậu dịch nửa cầu Nam hoạt động mạnh.
- D. Gió mùa Đông Bắc qua biển thổi vào.

Câu 23: Cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển, bề mặt bị chia cắt thành nhiều ô là đặc điểm địa hình của:

- A. đồng bằng sông Cửu Long.
- B. đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ.
- C. đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ.
- D. đồng bằng sông Hồng.

Câu 24: Tính chất của đất feralit ở vùng đồi núi nước ta phụ thuộc chủ yếu vào

- A. nguồn gốc của đá mẹ. B. kĩ thuật canh tác của con người.
- C. quá trình xâm thực - tích tụ. D. điều kiện khí hậu ở miền núi.

Câu 25: Nước ta, đai nhiệt đới gió mùa ở miền Nam lên cao hơn so với miền Bắc vì:

- A. có nền địa hình thấp hơn. B. có nền nhiệt độ cao hơn.
- C. có nền địa hình cao hơn. D. có nền nhiệt độ thấp hơn.

Câu 26: Rừng nguyên sinh nước ta hiện nay

- A. còn rất nhiều. B. còn rất ít.
- C. còn ít. D. còn nhiều.

Câu 27: Nhận định đúng nhất về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay là:

- A. tổng diện tích rừng đang tăng lên nhưng chất lượng vẫn tiếp tục suy giảm.
- B. chất lượng rừng đã được phục hồi nhưng diện tích rừng đang giảm sút nhanh.
- C. tài nguyên rừng của nước ta đang phục hồi nhanh cả về số lượng và chất lượng.

D. tài nguyên rừng đang tiếp tục bị suy giảm cả về số lượng lẫn chất lượng.

Câu 28: Để hạn chế xói mòn trên đất dốc ở vùng đồi núi nước ta, cần

- A. có kế hoạch mở rộng đất nông nghiệp.
- B. thực hiện thâm canh, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.
- C. áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác hợp lí trên đất dốc.
- D. tổ chức định canh, định cư cho dân cư miền núi.

Câu 29: Vùng núi nào của nước ta nằm giữa sông Hồng và sông Cả?

- A. Đông Bắc. B. Trường Sơn Nam.
- C. Tây Bắc. D. Trường Sơn Bắc.

Câu 30: Đường biên giới trên đất liền của nước ta dài

- A. 2360 km. B. hơn 5000 km.
- C. hơn 4600 km. D. 3260 km.

Câu 31: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết loại đất nào sau đây không có ở Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Đất mặn. B. Đất phèn.
- C. Đất feralit trên đá vôi. D. Đất phù sa sông.

Câu 32: Vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở, đó là vùng

- A. tiếp giáp lãnh hải. B. nội thủy.
- C. lãnh hải. D. thềm lục địa.

Câu 33: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ ĐỘ CHE PHỦ RỪNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1943 – 2014

Năm	Tổng diện tích có rừng (Triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	43,0
1983	7,2	22,0
2005	12,7	38,0
2014	13,8	41,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện diện tích và độ che phủ rừng của nước ta trong thời gian trên, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ đường. B. Biểu đồ miền.
- C. Biểu đồ kết hợp. D. Biểu đồ cột.

Câu 34: Địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc đã làm cho sông ngòi của vùng có đặc điểm

- A. phần lớn các sông có hướng vòng cung và tây bắc – đông nam.
- B. sông ngắn, dốc, có hướng tây bắc – đông nam và tây – đông.
- C. mạng lưới dày đặc, có nhiều sông lớn.
- D. nhiều sông dài, lòng sông rộng, độ dốc lòng sông nhỏ.

Câu 35: Mạng lưới sông ngòi nước ta không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chủ yếu là các sông lớn.
- B. Phần lớn là các sông nhỏ.
- C. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- D. Sông ngòi giàu phù sa.

Câu 36: Khu vực có hoạt động động đất mạnh nhất ở nước ta là:

- A. Tây Bắc. B. Đông Bắc.
- C. Bắc Trung Bộ. D. Nam Bộ.

Câu 37: Thế mạnh nào sau đây không phải ở khu vực đồi núi nước ta?

- A. Thuận lợi phát triển giao thông vận tải đường bộ.
- B. Nhiều nơi thuận lợi phát triển du lịch.
- C. Sông ngòi có tiềm năng thủy điện lớn.
- D. Tập trung nhiều khoáng sản.

Câu 38: Bão ở nước ta không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Mùa bão từ tháng VI đến tháng XI.
- B. Mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam.
- C. Diễn biến phức tạp, xuất hiện nhiều siêu bão.
- D. Đều được hình thành trên Biển Đông.

Câu 39: Từ Đông sang Tây, thiên nhiên nước ta có sự phân hóa thành 3 dải rõ rệt là:

- A. vùng biển; vùng đồng bằng và vùng đồi núi.
- B. vùng biển và thềm lục địa; vùng đồng bằng và vùng núi cao.
- C. vùng biển và thềm lục địa; vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi.
- D. vùng biển và thềm lục địa; vùng đồi và vùng núi.

Câu 40: Thiên nhiên nước ta phân hóa theo độ cao là do:

- A. sự phân hóa của sinh vật theo độ cao.
- B. sự phân hóa của khí hậu theo độ cao.
- C. có đường bờ biển dài 3260km.
- D. lãnh thổ kéo dài theo Bắc - Nam.

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – SỐ 4

Câu 1: Do ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới, tăng dần từ bắc vào nam nên nhiệt độ nước biển của nước ta cao và tăng dần từ Bắc vào Nam. Nhiệt độ trung bình năm: trên 23°C.

Chọn: C.

Câu 2: Do ảnh hưởng của các dãy núi lan ra sát biển nên dải đồng bằng ven biển miền Trung không liên tục mà bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ

Chọn: A.

Câu 3: Ở nước ta, vùng chịu ảnh hưởng nhiều nhất các thiên tai từ Biển Đông (Bão, cát bay, cát chảy,...) là khu vực ven biển miền Trung.

Chọn: D.

Câu 4: Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp. Địa hình cao dưới 1000m chiếm 85%, núi trung bình 14%, núi cao trên 2000m chỉ chiếm 1% diện tích cả nước..

Chọn: C.

Câu 5: Miền Bắc (đặc biệt là khu vực đồng bắc Bắc Bộ) giữa và cuối mùa đông gió mùa Đông Bắc qua biển mang đến một lượng mưa khá dồi dào, chủ yếu mưa phùn.

Chọn: D.

Câu 6: Đại nhiệt đới gió mùa: Ở miền Bắc có độ cao trung bình dưới 600 - 700m, miền Nam có độ cao 900-1000m. Khí hậu nhiệt đới biểu hiện rõ rệt, mùa hạ nóng, nền nhiệt cao (trung bình các tháng trên 25°C), độ ẩm thay đổi tùy nơi (từ khô hạn đến ẩm ướt).

Chọn: A.

Câu 7: Đường bờ biển nước ta (3260km) kéo dài từ: Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang).

Chọn: B.

Câu 8: Từ tháng 5 đến tháng 10. Có hai luồng gió cùng hướng tây nam thổi vào nước ta.

- Vào đầu mùa hạ: Khối khí nhiệt đới từ Bắc Ấn Độ Dương di chuyển theo hướng tây nam xâm nhập trực tiếp và gây mưa lớn cho đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên. Khi vượt qua dãy Trường Sơn và các dãy núi dọc biên giới Việt – Lào, khối khí này trở nên khô nóng (gió phơn Tây Nam hay còn gọi là gió Lào).

- Vào giữa và cuối mùa hạ: Gió mùa Tây Nam (xuất hiện từ áp cao cận chí tuyến nửa cầu Nam) hoạt động mạnh.

Chọn: B.

Câu 9: Tài nguyên sinh vật dưới nước, đặc biệt là nguồn hải sản của nước ta bị giảm sút rõ rệt chủ yếu do Khai thác quá mức và tình trạng ô nhiễm môi trường nước, đặc biệt là vùng cửa sông, ven biển.

Chọn: B.

Câu 10: Vùng núi Trường Sơn Nam có sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn Đông - Tây, hướng vòng cung.

Chọn: A.

Câu 11: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ: Giới hạn của miền từ hữu ngạn sông Hồng tới dãy núi Bạch Mã.

Chọn: D.

Câu 12: Huế có lượng mưa cao nhất. Gấp 1,7 lần Hà Nội, gấp 1,5 lần T.P Hồ Chí Minh. Hà Nội có lượng mưa thấp nhất, thấp hơn TP Hồ Chí Minh 1,15 lần.

Chọn: B.

Câu 13: Nhiệt độ trung bình tháng VII ở Hà Nội (28,9°C) cao hơn TP. Hồ Chí Minh (27,1°C).

Chọn: A.

Câu 14: Sự phân hóa theo mùa của khí hậu là yếu tố quy định tính chất mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp nước ta.

Chọn: B.

Câu 15: Nơi có thủy triều lên cao nhất và lún sâu nhất là Đồng bằng sông Cửu Long, đây là Đồng bằng thường xuyên bị xâm nhập mặn sâu vào đất liền nhất là mùa khô.

Chọn: D.

Câu 16: Nước ta có thể giao lưu kinh tế thuận lợi với các nước trên thế giới là do vị trí địa kinh tế nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế quan trọng.

Chọn: C.

Câu 17: Trong đai nhiệt đới gió mùa ở nước ta có 2 nhóm đất:

+ Nhóm đất phù sa chiếm 24% diện tích đất cả nước, bao gồm : đất phù sa ngọt, đất phèn, đất mặn, đất cát...

+ Nhóm đất feralit vùng đồi núi thấp chiếm hơn 60% diện tích đất tự nhiên cả nước, phần lớn là đất feralit đỏ vàng, đất feralit nâu đỏ phát triển trên đá mẹ bazan và đá vôi

Chọn: A.

Câu 18: Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc nước ta đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

Chọn: B.

Câu 19: Lào Cai là một trong các tỉnh phía Bắc nước ta có đường biên giới trên đất liền với Trung Quốc.

Chọn: A.

Câu 20: Mức độ ngập lụt ở đồng bằng sông Hồng càng trở nên nghiêm trọng hơn là do . mật độ xây dựng cao do ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa.

Chọn: D.

Câu 21: Sông Cầu là một con sông thuộc hệ thống sông Thái Bình.

Chọn: D.

Câu 22: Vào nửa cuối mùa đông, gió mùa Đông Bắc qua biển thổi vào nước ta mang một lượng hơi ẩm, gây ra mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ nước ta.

Chọn: D.

Câu 23: Cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển, bề mặt bị chia cắt thành nhiều ô là đặc điểm địa hình của: đồng bằng sông Hồng

Chọn: D.

Câu 24: Tính chất của đất feralit ở vùng đồi núi nước ta phụ thuộc chủ yếu vào quá trình xâm thực (mưa làm rửa trôi các bazo dễ tan) - tích tụ (ôxit sắt, ôxit nhôm).

Chọn: C.

Câu 25: Ở nước ta, đai cao cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Nam cao hơn so với miền Bắc vì miền Nam có nền nhiệt độ cao hơn (do không chịu ảnh hưởng của gió mùa mùa đông). Miền Nam có nền nhiệt cao nên cần độ cao cao hơn để đạt tiêu chuẩn khí hậu nhiệt đới gió mùa trên núi.

Chọn: B.

Câu 26: Ngày nay rừng nguyên sinh ở VN còn rất ít, phổ biến là rừng thưa mọc phức tạp hoặc trảng cỏ khô cằn.

Chọn: B.

Câu 27: Tài nguyên rừng của nước ta hiện nay có đặc điểm: tổng diện tích rừng đang tăng lên nhưng tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái, chất lượng vẫn tiếp tục suy giảm, chưa thể phục hồi..

Chọn: A.

Câu 28: Để hạn chế xói mòn trên đất dốc ở vùng đồi núi nước ta, cần áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác hợp lí trên đất dốc: trồng cây theo băng, ruộng bậc thang.

Chọn: C.

Câu 29: Vùng núi Tây Bắc có giới hạn từ hữu ngạn sông Hồng đến sông Cả.

Chọn: C.

Câu 30: Biên giới nước ta dài hơn 4600km tiếp giáp với:

+ Phía Bắc giáp Trung Quốc với đường biên giới dài 1400km.

+ Phía Tây giáp Lào 2100km, Campuchia hơn 1100km.

Chọn: C.

Câu 31: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11 (Đất). Đất feralit trên đá vôi không có ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Chọn: C.

Câu 32: Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.

Chọn: B.

Câu 33: Dựa vào bảng số liệu đã cho và kĩ năng nhận diện biểu đồ, biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị các đối tượng có đơn vị khác nhau là biểu đồ kết hợp; cụ thể diện tích rừng vẽ cột, độ che phủ rừng vẽ đường.

Chọn: C.

Câu 34: Địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc (hướng tây bắc đông nam là chủ yếu, đâm sạt ra biển) đã làm cho sông ngòi của vùng có đặc điểm sông ngắn, dốc, có hướng tây bắc – đông nam và tây – đông.

Chọn: B.

Câu 35: Mạng lưới sông ngòi nước ta có đặc điểm là: Phần lớn là các sông nhỏ, mạng lưới sông ngòi dày đặc, sông ngòi giàu phù sa.

Chọn: A.

Câu 36: Khu vực có hoạt động động đất mạnh nhất ở nước ta là Tây Bắc.

Chọn: A.

Câu 37: Khu vực đồi núi nước ta có nhiều đồi núi, địa hình bị chia cắt, nên giao thông vận tải đường bộ không thuận lợi.

Chọn: A.

Câu 38: Bão ở nước ta có đặc điểm: Mùa bão từ tháng VI đến tháng XI, mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam, đều được hình thành trên Biển Đông

Chọn: C.

Câu 39: Từ Đông sang Tây, thiên nhiên nước ta có sự phân hóa thành 3 dải rõ rệt là: vùng biển và thềm lục địa; vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi.

Chọn: C.

Câu 40: Thiên nhiên nước ta phân hóa theo độ cao là do sự phân hóa của khí hậu theo độ cao.

Chọn: B.

5. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 12 – Số 5

TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2019 – 2020

THỜI GIAN 45 PHÚT

Câu 1. Khu bảo tồn thiên nhiên EASÔ của huyện Eakar là loại rừng nào?

- A. Ngập mặn
- B. Sản xuất
- C. Phòng hộ
- D. Đặc dụng

Câu 2. Gió Lào có nguồn gốc từ loại gió nào sau đây bị biến tính?

- A. Gió Tín Phong
- B. Gió Tây Nam xuất phát từ Bắc Ấn Độ Dương
- C. Gió mùa Đông Bắc
- D. Gió Tây Nam xuất phát từ cao áp cận chí tuyến bán cầu nam

Câu 3. Ở nước ta những nơi nhiều đồi núi lan ra sát biển thì ở đó:

- A. đồng bằng hẹp, thềm lục địa hẹp, biển sâu
- B. đồng bằng hẹp, thềm lục địa rộng, biển nông
- C. đồng bằng mở rộng, thềm lục địa hẹp, biển sâu
- D. đồng bằng mở rộng, thềm lục địa rộng, biển nông

Câu 4. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa được thể hiện qua địa hình nước ta ở đặc điểm gì?

- A. Xâm thực mạnh ở miền đồi núi, bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu

- B. Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích
- C. Cấu trúc địa hình khá đa dạng
- D. Địa hình được vận động Tân kiến tạo làm trẻ lại

Câu 5. Ranh giới phần lãnh thổ phía Bắc và Nam của nước ta là:

- A. dãy Hoàng Sơn
- B. dãy Hoàng Liên Sơn
- C. dãy Trường Sơn Nam
- D. dãy Bạch Mã

Câu 6. Vùng đồng bằng sông Hồng mức độ ngập lụt nghiêm trọng không phải do:

- A. đê bao sông, bao biển kiên cố
- B. triều cường, địa thế thấp
- C. mật độ xây dựng cao
- D. mưa bão nhiều

Câu 7. Tình trạng mất cân bằng sinh thái biểu hiện:

- A. ô nhiễm nguồn nước mặt ngày càng nặng nề
- B. đất đai ngày càng bị ô nhiễm
- C. không khí ngày càng ô nhiễm
- D. gia tăng thiên tai và sự bất thường của thời tiết, khí hậu

Câu 8. Độ che phủ rừng là:

- A. diện tích rừng trồng trên tổng diện tích rừng
- B. diện tích rừng tự nhiên trên tổng diện tích rừng
- C. diện tích rừng trên diện tích tự nhiên
- D. tổng diện tích rừng trên diện tích từng loại rừng

Câu 9. Nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường ở nông thôn:

- A. do mật độ dân số quá đông
- B. do chất thải trong chăn nuôi và các hoá chất sử dụng trong nông nghiệp
- C. do chất thải của đời sống, chất thải du lịch
- D. do chất thải công nghiệp chưa qua xử lý

Câu 10. Khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc nước ta **không có** đặc điểm

- A. phân hai mùa nóng - lạnh rõ rệt
- B. biên độ nhiệt năm lớn
- C. nhiệt độ trung bình năm trên 25°C
- D. mùa đông kéo dài khoảng 2 - 3 tháng

Câu 11. Điểm giống nhau giữa miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là:

- A. Điều chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa Đông Bắc
- B. Điều có đủ 3 đai cao
- C. Điều giàu khoáng sản than
- D. Điều có hướng nghiêng chung của địa hình là tây bắc - đông nam

Câu 12. Lũ quét hay xảy ra nhất ở vùng nào của nước ta?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long
- B. Tây Nguyên
- C. Đồng bằng sông Hồng
- D. Trung du miền núi phía Bắc

Câu 13. Sự phân hoá thiên nhiên theo Đông - Tây ở vùng đồi núi nước ta chủ yếu do tác động của:

- A. gió tín phong với độ cao và hướng các dãy núi
- B. gió mùa với hướng các dãy núi
- C. độ cao và hướng các dãy núi
- D. gió mùa với độ cao các dãy núi

Câu 14. Căn cứ vào Átlat hãy cho biết vùng có lượng mưa ít nhất nước ta là:

- A. Bắc Trung Bộ
- B. Duyên hải cực Nam Trung Bộ
- C. Tây Nguyên
- D. Nam Bộ

Câu 15. Cho bảng số liệu sau

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43
1983	7,2	6,8	0,4	22
2005	12,7	10,2	2,5	38

Vẽ biểu đồ thể hiện tổng diện tích rừng và các loại rừng ở nước ta là loại biểu đồ:

- A. cột kép
- B. cột kết hợp đường
- C. cột chồng
- D. tròn

Câu 16. Để phòng chống khô hạn lâu dài biện pháp hàng đầu phải là:

- A. trồng rừng phòng hộ ven biển

B. xây dựng các công trình thủy lợi chứa nước hợp lí

C. tổ chức định canh, định cư cho người dân

D. củng cố các công trình đê bao sông, bao biển

Câu 17. Nhận xét đúng nhất về hiện trạng tài nguyên rừng nước ta là:

A. diện tích rừng có xu hướng tăng nhưng tài nguyên rừng vẫn suy thoái

B. rất giàu có

C. diện tích rừng tăng rất nhanh

D. diện tích rừng không thay đổi qua các thời kì

Câu 18. Ở nước ta những nơi có lượng mưa trung bình năm lên đến 3500 - 4000 mm là:

A. những sườn núi đón gió biển và các khối núi cao

B. vùng bán bình nguyên và đồi trung du

C. các cao nguyên và các dãy núi nằm gần biển

D. vùng đồng bằng ven biển

Câu 19. Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta hiện nay là

A. đất chưa sử dụng

B. đất nông nghiệp

C. đất lâm nghiệp

D. đất chuyên dùng

Câu 20. Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa nước ta là

A. Rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit

B. Rừng ngập mặn

C. Rừng xích đạo gió mùa

D. Xa van, bụi gai, nhiệt đới

Câu 21. Đai ôn đới gió mùa ở nước ta **không có** đặc điểm nào sau đây?

A. Đất mùn thô và phù sa chiếm ưu thế

B. Nhiệt độ trung bình năm dưới 15⁰C

C. Ở độ cao trên 2600m

D. Nhiệt độ trung bình mùa đông dưới 5⁰C

Câu 22. Nguyên nhân làm cho khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới là:

A. Nước ta trải dài trên nhiều vĩ độ

B. Nước ta nằm trong khu vực khí hậu gió mùa châu Á

C. Nước ta trong vùng nội chí tuyến

D. Nước ta nằm ven biển

Câu 23. Biểu hiện nào sau đây của sông ngòi nước ta **không phải** là tính chất của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa?

- A. Chế độ nước theo mùa
- B. Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa
- C. Hướng chảy chính là tây bắc - đông nam và vòng cung
- D. Mạng lưới sông ngòi dày đặc

Câu 24. Cho bảng số liệu sau:

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Lượng bốc hơi (mm)
Hà Nội	1676	989
Huế	2868	1000
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686

Cân bằng ẩm (mm) của 3 địa điểm trên theo thứ tự là:

- A. - 687, + 1868, + 245
- B. + 687, + 1868, + 245
- C. - 687, - 1868, - 245
- D. +1868, + 687, - 245

Câu 25. Sử dụng hợp lý và bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản **không phải** là biện pháp:

- A. tìm ra loại mới thay thế
- B. sử dụng tiết kiệm
- C. tuyệt đối không được khai thác
- D. quản lý chặt chẽ khâu khai thác

Câu 26. Ở nước ta, mưa phùn là loại mưa:

- A. diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào nửa sau mùa đông
- B. diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào đầu mùa đông
- C. diễn ra vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc
- D. diễn ra vào đầu mùa đông ở miền Bắc

Câu 27. Vùng nhiều bão nhất ở nước ta là:

- A. Bắc Bộ
- B. Nam Trung Bộ
- C. Nam Bộ
- D. Bắc Trung Bộ

Câu 28. Vùng hay xảy ra hạn hán kéo dài và gay gắt nhất nước ta là

- A. Duyên hải Bắc Trung Bộ
- B. Duyên hải cực Nam Trung Bộ
- C. Tây Bắc
- D. Đông Bắc Bộ

Câu 29. Đâu **không phải** là hậu quả của sự suy giảm đa dạng sinh học

- A. Mất đi nguồn gen quý hiếm
- B. Mất đi nguồn thức ăn, nguồn dược liệu cho thế hệ sau
- C. Làm nền kinh tế đất nước bị khủng hoảng
- D. Làm mất cân bằng môi trường sinh thái

Câu 30. Bảo vệ sự đa dạng sinh học **không phải** là

- A. Quy định việc khai thác hợp lý
- B. Ban hành sách đỏ Việt Nam
- C. Không được khai thác bất cứ loại sinh vật nào
- D. Xây dựng và mở rộng các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên

Câu 31. Tây Bắc là vùng có nhiệt độ trung bình năm thấp nhất nước ta là do:

- A. gió mùa Đông Bắc tác động mạnh nhất
- B. địa hình cao nhất
- C. không giáp biển
- D. xa xích đạo nhất

Câu 32. Mùa bão ở nước ta thường diễn ra trong thời gian nào?

- A. Tháng VI đến tháng XII
- B. Tháng VIII đến tháng X
- C. Tháng V đến tháng IX
- D. Tháng VI đến tháng XI

Câu 33. Sự cố môi trường biển làm cá chết hàng loạt ở Bắc Trung Bộ năm 2016 do nguyên nhân nào?

- A. Biến đổi khí hậu
- B. Chiến tranh
- C. Khai thác quá mức
- D. Ô nhiễm môi trường

Câu 34. Ý nào sau đây **không** thể hiện được tính đa dạng sinh học

- A. Các kiểu hệ sinh thái
- B. Số lượng thành phần loài
- C. Vùng phân bố
- D. Nguồn gen

Câu 35. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu phần lãnh thổ phía nam nước ta là

- A. rừng ngập mặn
- B. đới rừng nhiệt đới gió mùa
- C. đới rừng cận nhiệt đới gió mùa
- D. đới rừng cận xích đạo gió mùa

Câu 36. Tháng 11, 12 bão thường đổ bộ vào vùng nào?

- A. Bắc Trung Bộ B. Nam Bộ
C. Nam Trung Bộ D. Bắc Bộ

Câu 37. Đâu **không phải** là biện pháp bảo vệ tài nguyên đất ở miền núi

- A. Bảo vệ, phát triển rừng
B. Làm ruộng bậc thang
C. Cải tạo đất phèn, mặn
D. Đào hồ vẫy cá

Câu 38. Một trong những biện pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ rừng đang được triển khai ở nước ta là

- A. giao đất, giao rừng cho nông dân
B. nhập khẩu gỗ để chế biến
C. đẩy mạnh trồng rừng
D. cấm khai thác, xuất khẩu gỗ

Câu 39. Vào mùa hạ Tây Nguyên mưa nhiều là do

- A. Tây Nguyên nằm bên sườn đón gió mùa Tây Nam
B. Tây nguyên nằm bên sườn đón gió mùa Đông Bắc
C. Tây Nguyên nằm gần biển
D. Tây Nguyên nằm trong vùng xích đạo

Câu 40. Lũ quét xảy ra **không phải** do:

- A. địa hình bị chia cắt mạnh
B. rừng bị tàn phá
C. lượng mưa tập trung lớn
D. mạng lưới sông dày đặc

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – SỐ 5

1	2	3	4	5
D	B	A	A	D
6	7	8	9	10
B	D	C	B	C
11	12	13	14	15
D	D	B	B	C
16	17	18	19	20

B	A	A	C	A
21	22	23	24	25
A	C	C	B	C
26	27	28	29	30
A	D	B	C	C
31	32	33	34	35
B	D	D	C	D
36	37	38	39	40
B	C	A	A	D

6. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 12 – Số 6

TRƯỜNG THPT HAI BÀ TRƯNG

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2019 – 2020

THỜI GIAN 45 PHÚT

Câu 1: Hiện tượng nào sau đây **không phải** do tác động của biển?

- A. Hạn hán. B. Đất pha cát.
C. Nhiều thiên tai. D. Mưa nhiều.

Câu 2: Giải pháp hợp lí nhất để bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta hiện nay là

- A. mở rộng và bảo vệ các vườn quốc gia.
B. cấm nuôi nhốt động vật hoang dã trái phép.
C. tuyên truyền rộng rãi đến nhân dân.
D. cấm khai thác.

Câu 3: Khác nhau giữa địa hình vùng núi Đông Bắc và vùng núi Tây Bắc là:

- A. Hướng địa hình.
B. Hướng nghiêng địa hình.
C. Độ cao.
D. Độ cao và hướng địa hình.

Câu 4: Lãnh thổ Việt Nam tiếp giáp với bao nhiêu quốc gia trên vùng biển?

- A. 3 B. 9
C. 11 D. 8

Câu 5: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, em cho biết rừng ngập mặn có diện tích nhiều nhất ở vùng nào?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ
- B. Đông Nam Bộ
- C. Đồng bằng Sông Cửu Long
- D. Đồng bằng Sông Hồng

Câu 6: Trở ngại lớn nhất mà Biển Đông gây ra với nước ta là

- A. bão nhiệt đới.
- B. nghèo sinh vật và khoáng sản.
- C. sóng thần.
- D. sạt lở bờ biển.

Câu 7: Đặc điểm nào sau đây **không phải** biểu hiện tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của sông ngòi nước ta?

- A. Mạng lưới dày đặc.
- B. Hướng chảy chủ yếu Tây Bắc – Đông Nam.
- C. Chế độ nước thay đổi theo mùa.
- D. Giàu phù sa.

Câu 8: Khí hậu nước ta không khắc nghiệt như nhiều nước cùng vĩ độ là do

- A. biển cung cấp độ ẩm.
- B. vĩ độ địa lí.
- C. kinh độ địa lí.
- D. dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 9: Với bảng số liệu: Diện tích và sản lượng lúa nước ta giai đoạn 1980-2010

Năm	1980	1990	2000	2005	2010
Diện tích (triệu ha)	5,6	6,0	7,6	7,3	7,5
Sản lượng (triệu tấn)	11,6	19,2	32,5	36,0	40,0

(Nguồn: Niên giám thống kê 2011)

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện đồng thời cả diện tích và sản lượng lúa của nước ta từ năm 1980 đến năm 2010 là

- A. biểu đồ dạng cột nhóm.
- B. biểu đồ kết hợp.
- C. biểu đồ miền.
- D. biểu đồ đường (đồ thị).

Câu 10: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, em hãy cho biết hệ thống sông nào có tiềm năng thủy điện lớn nhất trên lãnh thổ Việt Nam?

- A. Hệ thống sông Mê Công.

- B. Hệ thống sông Hồng.
- C. Hệ thống sông Thái Bình.
- D. Hệ thống sông Đồng Nai.

Câu 11: Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức thương mại Thế giới vào năm

- A. 2007.
- B. 2006.
- C. 2005.
- D. 2000.

Câu 12: Với bảng số liệu:

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) phân theo ngành kinh tế của nước ta giai đoạn 2000 – 2014

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	2010	2014
Nông- lâm- ngư nghiệp	407467	696969
Công nghiệp và xây dựng	824904	1307935
Dịch vụ	925277	1537197
Tổng số	2157648	3937856

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015)

Để thể hiện sự thay đổi quy mô và cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế qua hai năm, biểu đồ thích hợp nhất là

- A. biểu đồ cột chồng.
- B. hình tròn bán kính bằng nhau.
- C. hình tròn bán kính khác nhau.
- D. biểu đồ miền.

Câu 13: Cho số liệu: Tình hình diện tích rừng nước ta thời kì 1983 – 2012

Năm	Tổng diện tích rừng (triệu ha)	Trong đó	
		Rừng tự nhiên	Rừng trồng
1983	7,2	6,8	0,4
2012	13,9	11,0	2,9

- A. Độ che phủ rừng tăng lên.
- B. Diện tích tăng nhưng chất lượng rừng bị suy giảm.
- C. Diện tích rừng trồng tăng nhanh.
- D. Diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng đều giảm .

Câu 14: Đỉnh núi cao nhất nước ta thuộc

- A. vùng núi Tây Bắc.
- B. vùng núi Trường Sơn Nam.
- C. vùng núi Đông Bắc.

D. vùng núi Trường Sơn Bắc.

Câu 15: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, trang Các miền tự nhiên (trang 13,14), em hãy cho biết đỉnh núi nào cao nhất vùng Đông Bắc

- A. Pu Tha Ca B. Tây Côn Lĩnh
C. Kiều Liêu Ti D. Phan-xi-pan

Câu 16: Nhân tố làm phá vỡ nền tảng nhiệt đới của khí hậu nước ta và làm giảm sút nhiệt độ mạnh mẽ, nhất là trong mùa đông là do

- A. địa hình nhiều đồi núi.
B. địa hình nhiều đồi núi và gió mùa Đông bắc.
C. vĩ độ địa lí.
D. ảnh hưởng của biển.

Câu 17: Biểu hiện tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta là

- A. biên độ nhiệt lớn
B. nhiệt độ trung bình năm trên 20°C
C. nhiệt độ trung bình năm trên 25°C
D. biên độ nhiệt nhỏ

Câu 18: Vùng nào ít chịu ảnh hưởng của bão ở nước ta?

- A. Bắc Trung Bộ.
B. Đồng bằng Sông Hồng.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 19: Tiêu chí khác biệt nhất giữa khí hậu Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh là

- A. biên độ nhiệt.
B. sự phân hóa mùa mưa – khô.
C. lượng mưa.
D. nhiệt độ trung bình năm.

Câu 20: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, trang Hành chính (trang 4, 5), em hãy cho biết tỉnh nào có diện tích nhỏ nhất nước ta?

- A. Hưng Yên. B. Bắc Giang.
C. Bắc Ninh. D. Bắc Cạn.

Câu 21: Lợi thế do sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao mang lại là

- A. tạo nên sự đa dạng về sản phẩm nông nghiệp và du lịch nghỉ dưỡng.
B. thế mạnh về du lịch.
C. thuận lợi về đời sống.
D. thế mạnh về nông sản nhiệt đới.

Câu 22: Giải pháp nào hiệu quả nhất trong những năm gần đây về sử dụng và bảo vệ tài nguyên rừng ?

- A. Tăng cường đội ngũ quản lí.
- B. Ban hành Luật.
- C. Tuyên truyền giáo dục.
- D. Giao đất giao rừng.

Câu 23: Cho số liệu: **Tình hình diện tích rừng nước ta thời kì 1983 – 2012**

Năm	Tổng diện tích rừng (triệu ha)	Trong đó	
		Rừng tự nhiên	Rừng trồng
1983	7,2	6,8	0,4
2012	13,9	11,0	2,9

- A. biểu đồ hai hình tròn
- B. biểu đồ đường (đồ thị).
- C. biểu đồ cột nhóm.
- D. biểu đồ cột chồng.

Câu 24: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, em hãy cho biết tỉnh nào có diện tích lớn nhất nước ta?

- A. Sơn La
- B. Gia Lai
- C. Nghệ An
- D. Đắk Lắk

Câu 25: Hạn chế về tự nhiên ở khu vực đồi núi nước ta là

- A. đất chủ yếu là feralit.
- B. khí hậu phân hoá đa dạng.
- C. Sông ngòi ngắn, dốc.
- D. địa hình chia cắt.

Câu 26: Vị trí thuộc khu vực nội chí tuyến tạo ra ý nghĩa nào sau đây đối với tự nhiên nước ta?

- A. Tạo ra sự phân hoá khí hậu.
- B. Tạo ra sự phân hóa đa dạng.
- C. Tạo nên tính chất nhiệt đới.
- D. Tạo nên sự đa dạng của sinh vật.

Câu 27: Việt Nam là đất nước nhiều đồi núi thể hiện ở

- A. địa hình chịu tác động mạnh mẽ bởi con người.
- B. núi cao chiếm 1% diện tích.
- C. phần lớn là đồi núi thấp.
- D. đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích đất tự nhiên.

Câu 28: Vườn quốc gia nào sau đây có bộ phận thuộc tỉnh Thái Nguyên?

- A. Cúc Phương. B. Ba Bể
C. Xuân Thủy. D. Tam Đảo.

Câu 29: Điểm cực Tây trên đất liền của nước ta thuộc tỉnh nào?

- A. Nghệ An. B. Điện Biên.
C. Lai Châu. D. Kiên Giang.

Câu 30: Ảnh hưởng tích cực của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến nông nghiệp nước ta là

- A. làm cho năng suất thiếu ổn định.
B. Sinh ra nhiều sâu bệnh, dịch bệnh.
C. phân chia thành các mùa vụ và cơ cấu sản phẩm đa dạng.
D. làm cho chất lượng sản phẩm thiếu ổn định.

Câu 31: Gió mùa Đông bắc lạnh chỉ ảnh hưởng đến phạm vi lãnh thổ phía bắc của vĩ tuyến nào sau đây?

- A. 18°B B. 14°B
C. 16°B D. 17°B

Câu 32: Vùng nào có gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh nhất vào đầu mùa hạ?

- A. Bắc Trung Bộ.
B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Tây Nguyên.
D. Tây Bắc.

Câu 33: Thế mạnh về tự nhiên **không phải** của khu vực đồng bằng nước ta là

- A. phát triển nông nghiệp nhiệt đới.
B. tiềm năng khoáng sản.
C. tiềm năng thủy điện.
D. ưu thế về tài nguyên đất.

Câu 34: Theo Công ước về Luật biển Quốc tế 1982, vùng đặc quyền kinh tế được giới hạn từ đường cơ sở đến tối đa

- A. 200 km. B. 24 hải lí.
C. 200 hải lí. D. 200m.

Câu 35: Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sự phân hóa cảnh quan thiên nhiên theo Bắc – Nam là

- A. ảnh hưởng của địa hình.
B. phạm vi hoạt động của gió mùa Đông Bắc.
C. có bờ biển dài.
D. chênh lệch về vĩ độ địa lí.

Câu 36: Khác biệt nhất của Đồng bằng Sông Cửu Long so với Đồng bằng Sông Hồng là

- A. có đất nhiễm mặn.
- B. có đất nhiễm phèn.
- C. có nhiều đất phù sa sông.
- D. khí hậu nóng quanh năm.

Câu 37: Mốc thời gian mà nước ta chính thức thực hiện công cuộc Đổi mới nền kinh tế - xã hội là năm

- A. 1975.
- B. 1986
- C. 1991.
- D. 1979.

Câu 38: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, trang Khí hậu (trang 9), em hãy cho biết khu vực nào của nước ta có nhiệt độ trung bình năm cao nhất?

- A. Bắc Trung Bộ
- B. Đồng bằng sông Hồng
- C. Tây Bắc
- D. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 39: Đường cơ sở của nước ta được xác định là đường :

- A. Nối các điểm có độ sâu 200 m.
- B. Nằm cách bờ biển 12 hải lí.
- C. Nối các mũi đất xa nhất với các đảo ven bờ.
- D. Tính từ mức nước thủy triều cao nhất đến các đảo ven bờ.

Câu 40: Phạm vi lãnh thổ Việt Nam là khối thống nhất gồm các bộ phận:

- A. Đất liền, thềm lục địa và vùng trời
- B. Vùng đất, hải đảo và vùng trời
- C. Vùng đất, vùng biển và vùng trời
- D. Vùng đất và vùng biển

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – SỐ 6

1	2	3	4	5
A	A	D	D	C
6	7	8	9	10
A	B	A	B	B
11	12	13	14	15
A	C	D	A	B
16	17	18	19	20

B	B	D	A	C
21	22	23	24	25
A	D	D	C	D
26	27	28	29	30
C	D	D	B	C
31	32	33	34	35
C	A	C	C	B
36	37	38	39	40
D	B	D	C	C

7. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 12 – Số 7

TRƯỜNG THPT PHAN ĐÌNH PHÙNG

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2019 – 2020

THỜI GIAN 45 PHÚT

Câu 1: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc là

- A. đới rừng nhiệt đới gió mùa.
- B. đới rừng nhiệt đới.
- C. đới rừng xích đạo.
- D. đới rừng gió mùa cận xích đạo.

Câu 2: Vùng đất ngoài đê ở đồng bằng sông Hồng là nơi

- A. được canh tác nhiều nhất.
- B. thường xuyên được bồi đắp phù sa.
- C. có nhiều ô trũng ngập nước.
- D. không được bồi đắp phù sa hàng năm.

Câu 3: Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm là

- A. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- B. rừng cận xích đạo gió mùa.
- C. rừng xích đạo gió mùa.
- D. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

Câu 4: Tính chất nào sau đây không phải là đặc điểm của sông ngòi Duyên hải miền Trung?

- A. Lũ lên, xuống chậm và kéo dài.
- B. Dòng sông ngắn và dốc.
- C. Mùa khô lòng sông cạn và nhiều cồn cát.
- D. Chế độ nước thất thường.

Câu 5: Căn cứ vào Atlas trang 10, hãy cho biết con sông nào có diện tích lưu vực lớn nhất nước ta?

- A. Sông Thái Bình.
- B. Sông Đồng Nai.
- C. Sông Mê Công.
- D. Sông Hồng.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết thung lũng sông có hướng vòng cung theo hướng núi là

- A. sông Mã.
- B. sông Đà.
- C. sông Chu.
- D. sông Cầu.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết loại đất nào chiếm diện tích lớn nhất ở đồng bằng sông Cửu Long ?

- A. Đất phù sa sông.
- B. Đất xám.
- C. Đất phèn.
- D. Đất mặn.

Câu 8: Nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào mùa hạ cho cả hai miền Nam, Bắc và mưa vào tháng IX cho Trung Bộ là

- A. gió Tây Nam.
- B. gió Tây Nam cùng với dải hội tụ nhiệt đới.
- C. gió Đông Bắc.
- D. gió Đông Bắc cùng với dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 9: Vùng núi Tây Bắc nằm giữa hai hệ thống sông lớn là

- A. sông Hồng và sông Cả.
- B. sông Hồng và sông Mã.
- C. sông Cả và sông Mã.
- D. sông Đà và sông Lô.

Câu 10: Khu vực có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển của nước ta là

- A. vịnh Thái Lan.
- B. duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. vịnh Bắc Bộ.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết lượng mưa cao nhất của TP. Hồ Chí Minh là vào tháng mấy?

- A. Tháng V.
- B. Tháng IX.
- C. Tháng III.
- D. Tháng VI.

Câu 12: Sự khác nhau về thiên nhiên giữa vùng núi Đông -Tây chủ yếu là do

- A. gió mùa Đông Bắc.
- B. kinh tuyến.
- C. tác động của gió mùa và hướng của các dãy núi.
- D. độ cao của núi và sự hoạt động của gió mùa.

Câu 13: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ không có đặc điểm nào sau đây ?

- A. Ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc giảm, tính chất nhiệt đới tăng.
- B. Địa hình cao, các dãy núi xen kẽ, dải đồng bằng thu hẹp.
- C. Có các thung lũng sông theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.
- D. Khí hậu cận xích đạo gió mùa, có hai mùa rõ rệt khô và mưa.

Câu 14: Thiên nhiên vùng núi nào sau đây mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa?

- A. Vùng núi cao Tây Bắc.
- B. Vùng núi Trường Sơn.
- C. Vùng núi thấp Tây Bắc.
- D. Vùng núi Đông Bắc.

Câu 15: So với các nước cùng một vĩ độ, nước ta có nhiều lợi thế hơn hẳn về

- A. trồng được lúa, ngô, khoai.
- B. phát triển cây cà phê, cao su.
- C. trồng các loại cây lương thực và cây công nghiệp nhiệt đới.
- D. trồng được nho, cam, ô liu, chà là, thuốc lá... như Tây Á.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta vừa giáp với Lào vừa giáp với Trung Quốc ?

- A. Nghệ An.
- B. Điện Biên.
- C. Hòa Bình.
- D. Sơn La.

Câu 17: Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là

- A. hệ sinh thái rừng rậm thường xanh quanh năm.
- B. hệ sinh thái rừng nhiệt đới khô lá rộng và xa van, bụi gai nhiệt đới.
- C. hệ sinh thái rừng ngập mặn cho năng suất sinh học cao.
- D. hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit.

Câu 18: Các hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa không có loại rừng nào sau đây ?

- A. Rừng gió mùa nửa rụng lá.
- B. Rừng thường xanh trên đá vôi.
- C. Rừng lá kim trên đất feralit đỏ vàng.
- D. Rừng thưa khô rụng lá

Câu 19: Biên độ nhiệt năm ở phía Bắc cao hơn ở phía Nam, vì phía Bắc

- A. gần chí tuyến
- B. có một mùa hạ có gió fơn Tây Nam.
- C. có một mùa đông lạnh.
- D. gần chí tuyến, có một mùa đông lạnh.

Câu 20: Theo công ước quốc tế về Luật Biển năm 1982 thì vùng đặc quyền kinh tế của nước ta rộng 200 hải lí được tính từ

- A. đường cơ sở trở ra.
- B. giới hạn ngoài của vùng lãnh hải trở ra.
- C. vùng có độ sâu 200m.
- D. ngấn nước thấp nhất của thủy triều trở ra.

Câu 21: Phát biểu nào *không đúng* khi nói về đai ôn đới gió mùa trên núi ?

- A. Nhiệt độ mùa đông dưới 5°C.
- B. Có tính chất khí hậu ôn đới.
- C. Quanh năm nhiệt độ dưới 15°C.
- D. Mưa nhiều độ ẩm tăng.

Câu 22: Việt Nam có đường biên giới cả trên đất liền và trên biển với nước nào sau đây ?

- A. Lào, Campuchia.
- B. Trung Quốc, Lào, Campuchia.
- C. Thái Lan, Campuchia.
- D. Trung Quốc, Campuchia.

Câu 23: Tác động của gió mùa Đông Bắc mạnh nhất diễn ra ở

- A. Tây Nguyên. B. Đông Bắc.
- C. Tây Bắc. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 24: Điểm khác chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng so với Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. thủy triều xâm nhập đồng bằng về mùa cạn.
- B. địa hình bị chia cắt thành nhiều ô ruộng.
- C. hệ thống kênh rạch chằng chịt.
- D. diện tích rộng hơn đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 25: Việt Nam vừa gắn với lục địa vừa thông ra đại dương nào ?

- A. Gắn với lục địa Á - Âu và thông ra Đại Tây Dương.
- B. Gắn với lục địa Á - Âu thông ra Thái Bình Dương.
- C. Gắn với một phần lục địa Phi thông ra Thái Bình Dương.
- D. Gắn với lục địa Á - Âu và thông ra Ấn Độ Dương.

Câu 26: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

- A. có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc - Đông Nam.
- B. có địa hình cao nhất cả nước.
- C. địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích.
- D. gồm các dãy núi song song và so le.

Câu 27: Khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới 18°C.
- B. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C.
- C. Biên độ nhiệt năm thấp, có mùa đông lạnh.
- D. Biên độ nhiệt trung bình năm lớn.

Câu 28: Điểm giống nhau của địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là

- A. có nhiều khối núi cao đồ sộ.
- B. nghiêng theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.
- C. đồi núi thấp chiếm ưu thế.
- D. có nhiều sơn nguyên, cao nguyên rộng lớn.

Câu 29: Dãy Hoàng Liên Sơn nằm giữa hai con sông lớn nào sau đây?

- A. Sông Hồng và sông Đà.
- B. Sông Hồng với sông Chảy.
- C. Sông Đà và sông Mã.
- D. Sông Đà với sông Lô.

Câu 30: Đặc điểm nào sau đây không phải của đồng bằng ven biển Miền Trung ?

- A. Được hình thành do các sông bồi đắp
- B. Hẹp ngang, được chia thành ba dải.
- C. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
- D. Chỉ có một số đồng bằng được mở rộng.

Câu 31: Nhiệt độ các tỉnh miền Bắc thấp vào mùa đông so với miền Nam vì:

- A. Miền Bắc nằm xa Xích đạo nên lạnh.
- B. Miền Bắc có nhiều núi cao.
- C. Gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh.
- D. Miền Bắc hay có tuyết rơi.

Câu 32: Độ cao của đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc thấp hơn miền Nam vì:

- A. Miền Bắc có nền nhiệt thấp hơn miền Nam.
- B. Miền Bắc có nền nhiệt cao hơn miền Nam.
- C. Miền Nam ảnh hưởng gió mùa Tây Nam và vĩ độ thấp hơn.
- D. Miền Nam ảnh hưởng gió mùa Tây Nam và vĩ độ cao hơn.

Câu 33: Sự khác biệt rõ rệt giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là

- A. giá trị về kinh tế
- B. sự tác động của con người.
- C. hướng nghiêng.
- D. độ cao và hướng núi.

Câu 34: Cho bảng số liệu:

Sự biến động diện tích rừng qua một số năm

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43,0
1983	7,2	6,8	0,4	22,0
2005	12,7	10,2	2,5	38,0

- A. cột.
- B. tròn.
- C. kết hợp.
- D. đường.

Câu 35: Hai bể dầu lớn nhất ở thềm lục địa nước ta là

- A. bể Cửu Long Bể Sông Hồng.
- B. bể Nam Côn Sơn và bể Cửu Long.
- C. bể Sông Hồng và Bể Trung Bộ.
- D. bể Thổ Chu - Mã Lai.

Câu 36: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, hãy cho biết loại rừng nào chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta ?

- A. Rừng tre nứa.
- B. Rừng trồng.
- C. Rừng trên núi đá vôi.
- D. Rừng kín thường xanh.

Câu 37: Gió phơn Tây Nam chủ yếu hoạt động ở khu vực nào sau đây ?

- A. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ và phần nam của Tây Bắc.
- C. Đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 38: Cho bảng số liệu:

Cơ cấu diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng trong tổng diện tích rừng của nước ta qua hai năm

(đơn vị %)

Năm	Tổng diện tích rừng trồng	DT rừng tự nhiên	DT rừng trồng
1983	100	94.4	5.6
2015	100	75.6	24.4

- A. miền. B. cột.
C. đường. D. tròn.

Câu 39: Vai trò quan trọng của Biển Đông đối với khí hậu Việt Nam là

- A. làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết.
B. làm tăng độ lạnh của gió mùa Đông Bắc.
C. gây fơn cho nhiều vùng núi nước ta.
D. làm tăng tính nóng bức trong mùa hè.

Câu 40: Rừng ngập mặn ven biển ở nước ta phát triển mạnh nhất ở ?

- A. Nam Trung Bộ. B. Nam Bộ.
C. Bắc Trung Bộ. D. Bắc Bộ.

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – SỐ 7

1	2	3	4	5
A	B	A	A	D
6	7	8	9	10
D	C	B	A	B
11	12	13	14	15
B	C	D	D	C
16	17	18	19	20
B	D	C	C	A
21	22	23	24	25
D	D	B	B	B
26	27	28	29	30
C	C	B	A	A

31	32	33	34	35
C	A	D	A	B
36	37	38	39	40
D	B	D	A	B

8. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 12 – Số 8

TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2019 – 2020

THỜI GIAN 45 PHÚT

I. Phần trắc nghiệm: (4 điểm): Chọn câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Thời tiết rất nóng và khô ở ven biển Trung Bộ và phần nam khu vực Tây Bắc nước ta do loại gió nào sau đây gây ra?

- A. Tín phong bán cầu Bắc
- B. Tín phong bán cầu Nam.
- C. Gió Tây Nam.
- D. Gió mùa Đông Bắc

Câu 2: Việt Nam và Hoa Kỳ bình thường hoá quan hệ từ năm

- A. 2007.
- B. 1986.
- C. 1994.
- D. 1995.

Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ không có các cao nguyên nào sau đây?

- A. Kon Tum.
- B. Mộc Châu.
- C. Tà Phình.
- D. Sín Chải.

Câu 4: Nguyên nhân gây mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ là do

- A. Tín phong bán cầu Bắc
- B. Tín phong bán cầu Nam.
- C. Gió mùa Đông Bắc
- D. Gió Tây khô nóng.

Câu 5: Mục tiêu chung của chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường ở Việt Nam là

- A. đảm bảo sự bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
- B. đảm bảo sự bảo vệ đi đôi với sự phát triển bền vững.
- C. chú trọng việc bảo vệ môi trường chống ô nhiễm.

D. bảo vệ tài nguyên khoáng sản và môi trường khỏi bị ô nhiễm.

Câu 6: Để phòng chống khô hạn lâu dài, cần

- A. thực kĩ thuật canh tác trên đất dốc
- B. xây dựng các công trình thủy lợi hợp lí.
- C. sản xuất theo mô hình nông lâm kết hợp.
- D. bố trí nhiều trạm bơm nước

Câu 7: Đại cận nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc độ cao từ 600 - 700m, còn miền Nam lên đến 900 - 1000m mới có, vì

- A. miền Bắc mưa nhiều hơn miền Nam.
- B. địa hình miền Bắc cao hơn miền Nam.
- C. miền Bắc giáp biển nhiều hơn miền Nam.
- D. nhiệt độ trung bình năm của miền Nam cao hơn miền Bắc.

Câu 8: Độ che phủ rừng vào năm 1943 của nước ta là (%):

- A. 43,0.
- B. 44,0.
- C. 42,0.
- D. 41,0.

Câu 9: Biện pháp nào sau đây không liên quan đến bảo vệ đa dạng sinh học?

- A. Ban hành Sách đỏ Việt Nam.
- B. Xây dựng và mở rộng hệ thống vườn quốc gia
- C. Có kế hoạch mở rộng diện tích đất nông nghiệp.
- D. Quy định việc khai thác

Câu 10: Nguyên nhân về mặt tự nhiên làm suy giảm tính đa dạng sinh vật ở nước ta là do

- A. ô nhiễm môi trường.
- B. chiến tranh tàn phá các khu rừng.
- C. biến đổi khí hậu.
- D. săn bắt động vật hoang dã

Câu 11: Biện pháp nào sau đây không liên quan trực tiếp đến bảo vệ tài nguyên đất ở đồng bằng?

- A. Bón phân cải tạo đất thích hợp.
- B. Canh tác hợp lí.
- C. Bảo vệ rừng và đất rừng.
- D. Chống nhiễm mặn, nhiễm phèn.

Câu 12: Nơi có nhiều bão nhất ở Việt Nam là

- A. miền Bắc
- B. miền Nam.
- C. Tây Nguyên.
- D. miền Trung.

Câu 13: Nguyên nhân nào sau đây làm cho đồng bằng duyên hải miền Trung ngập lụt trên diện rộng?

- A. Có nhiều đầm phá làm chậm việc thoát nước sông ra biển.
- B. Mưa bão lớn, nước biển dâng và lũ nguồn về.
- C. Sông ngắn, dốc
- D. Mực nước biển dâng cao làm ngập vùng ven biển.

Câu 14: Nguyên nhân của sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam ở nước ta là do

- A. gió mùa Đông Bắc và vĩ độ địa lí.
- B. vĩ độ địa lí và Mặt Trời lên thiên đỉnh.
- C. Mặt Trời lên thiên đỉnh và gió mùa Đông Bắc
- D. chiều dài lãnh thổ và gió mùa Đông Bắc

Câu 15: Đường lối Đổi mới của nước ta được khẳng định từ năm

- A. 1996.
- B. 1976.
- C. 2016.
- D. 1986.

Câu 16: Nhận xét nào sau đây không đúng với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Địa hình núi chiếm ưu thế với các dãy núi hướng tây bắc – đông nam.
- B. Có nhiều cao nguyên đá badan xếp tầng.
- C. Miền duy nhất có địa hình cao ở nước ta với đủ ba đai cao.
- D. Có nhiều bề mặt sơn nguyên, cao nguyên, lòng chảo.

II. Phần tự luận: (6điểm)

Câu 1. (1,0 điểm): Trình bày hậu quả và biện pháp phòng chống bão ở nước ta?

Câu 2. (1,0 điểm): Nguyên nhân nào tạo nên sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao? Sự phân hóa theo độ cao ở nước ta biểu hiện rõ ở các thành phần tự nhiên nào?

Câu 3. (1,0 điểm): Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết miền khí hậu phía Bắc có những vùng khí hậu nào?

Câu 4. (3,0 điểm): Cho bảng số liệu sau:

Diện tích đất hoang, đồi trọc nước ta giai đoạn 1975 – 2003

(Đơn vị: triệu ha)

Năm	1975	1983	1990	1995	1999	2003
Diện tích	10,6	13,8	10,0	9,8	8,3	6,8

a) Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện sự thay đổi diện tích đất hoang, đồi trọc nước ta giai đoạn 1975 – 2003.

b) Nhận xét và giải thích.

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – SỐ 8

I- Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
C	D	A	C	B	B
7	8	9	10	11	12
D	A	C	C	C	D
13	14	15	16		
B	D	D	B		

II. Phân tự luận

Câu 1. Trình bày hậu quả và biện pháp phòng chống bão ở nước ta

- Hậu quả của bão:

- + Bão thường có gió mạnh và mưa lớn
- + Bão kèm sóng to gây lật úp tàu thuyền
- + Bão làm mực nước biển dâng cao tới 1,5-2m, gây ngập mặn vùng ven biển
- + Nước dâng tràn đê kết hợp nước lũ do mưa lớn trên nguồn dồn về làm ngập lụt trên diện rộng, có thể gây vỡ đê biển...
- + Bão lớn, gió giật mạnh tàn phá cơ sở hạ tầng như nhà cửa, cầu cống, các công trình công cộng, cột điện..
- + Bão kèm theo lũ sau bão gây thiệt hại nặng nề cho đồng ruộng, ao nuôi thủy sản, gây tổn thất lớn cho sản xuất của người nông dân

⇒ Tóm lại bão gây nhiều tác hại lớn cho sản xuất và đời sống nhân dân, nhất là vùng ven biển

- Biện pháp phòng chống:

- + Dự báo chính xác nhất về quá trình hình thành, hướng di chuyển và hoạt động của bão
- + Khi có bão, các tàu thuyền trên biển gấp rút trở về đất liền hoặc tìm nơi trú ẩn
- + Vùng ven biển cần củng cố các công trình đê biển
- + Sơ tán dân khi bão mạnh
- + Chống bão kết hợp chống lụt, úng ở đồng bằng, chống lũ quét, xói mòn ở miền núi

Câu 2.

- Nguyên nhân tạo nên sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao là do quy luật đai cao: do sự giảm nhanh nhiệt độ theo độ cao cùng sự thay đổi về độ ẩm và lượng mưa ở miền núi.

- Sự phân hóa theo độ cao ở nước ta biểu hiện rõ ở các thành phần tự nhiên:

- + khí hậu: những vùng núi cao có khí hậu mát mẻ, độ ẩm cũng thay đổi tùy nơi
- + đất đai: có sự thay đổi theo các đai: đai nhiệt đới gió mùa (đất phù sa, đất phèn, đất mặn,... ở đồng bằng; đất feralit ở đồi núi thấp); đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi (đất feralit có mùn, đất mùn); đai ôn đới gió mùa trên núi (đất mùn thô)

+ Sinh vật: cũng có sự thay đổi theo các đai: đai nhiệt đới gió mùa (rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh, rừng nhiệt đới gió mùa...); đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi (rừng cận nhiệt đới lá rộng, lá kim đến rêu, địa y); đai ôn đới gió mùa trên núi (thực vật ôn đới như đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam)

Câu 3.

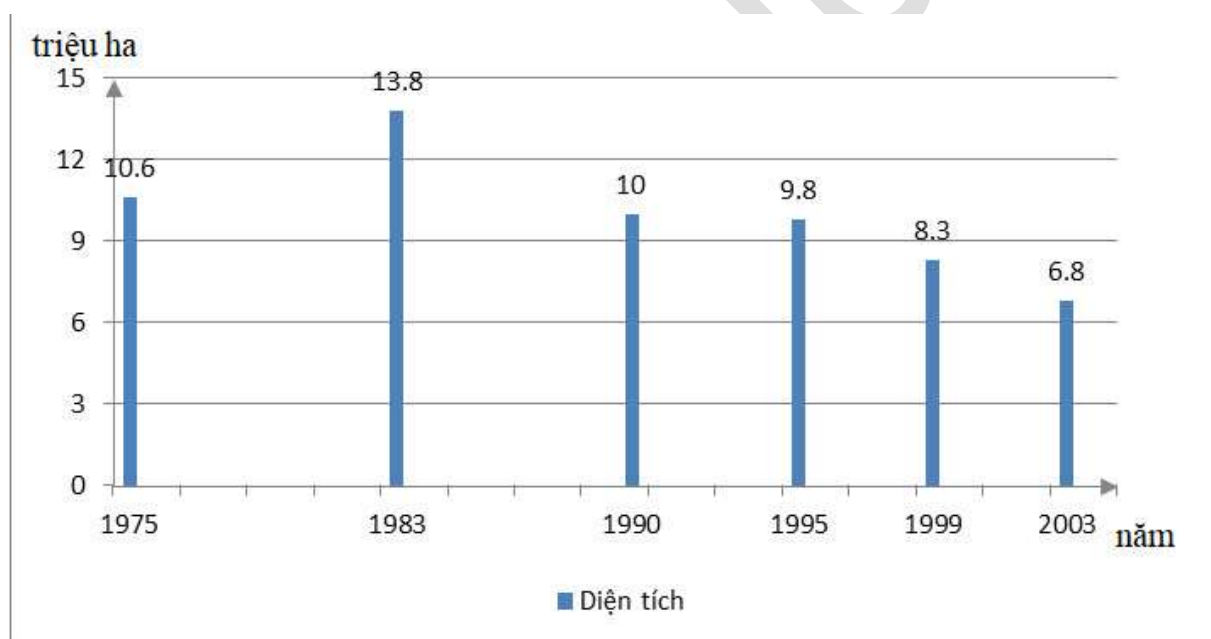
Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, miền khí hậu phía Bắc có 4 vùng khí hậu, ranh giới kết thúc ở dãy Bạch Mã bao gồm:

- Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ
- Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ
- Vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ
- Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ

Câu 4.

a. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện sự thay đổi diện tích đất hoang, đồi trọc nước ta giai đoạn 1975 – 2003.

Dựa vào kĩ năng nhận diện biểu đồ, biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi giá trị một đối tượng là biểu đồ cột



Biểu đồ Diện tích đất hoang, đồi trọc nước ta giai đoạn 1975 – 2003

Đơn vị: triệu ha

Chú ý: biểu đồ cần có đầy đủ tên, đơn vị, chú giải, khoảng cách năm hợp lí...

b. Nhận xét và giải thích

- Nhận xét:

+ Giai đoạn 1975-2003, Diện tích đất hoang, đồi trọc nước ta có sự thay đổi, nhìn chung có xu hướng giảm; giảm từ 10,6 năm 1975 triệu ha xuống còn 6,8 triệu ha năm 2003

+ Tuy nhiên, Diện tích đất hoang, đồi trọc nước ta có sự biến động; từ 1975 đến 1983, diện tích đất hoang, đồi trọc có xu hướng tăng, tăng từ 10,6 triệu ha lên 13,8 triệu ha; sau đó từ

1983 đến 2003, diện tích đất hoang, đồi trọc có xu hướng giảm liên tục từ 13,8 triệu ha xuống còn 6,8 triệu ha

- Giải thích

+ Diện tích đất hoang, đồi núi trọc ở nước ta có xu hướng giảm do những chính sách khai hoang, mở rộng diện tích đất nông nghiệp và trồng rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên, phủ xanh đất trống đồi núi trọc

+ Giai đoạn 1975-1983 diện tích đất hoang, đồi núi trọc tăng lên do hậu quả của chiến tranh, rừng bị khai thác bừa bãi

9. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 12 – Số 9

TRƯỜNG THPT PHÚ BÀI

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2019 – 2020

THỜI GIAN 45 PHÚT

Câu 1: Địa hình nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Cấu trúc địa hình khá đa dạng.
- B. Nhiều đồi núi nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.
- C. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
- D. Địa hình ít chịu tác động của con người.

Câu 2: Đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa, là do nhân tố nào sau đây quy định?

- A. Vị trí địa lí.
- B. Địa hình.
- C. Khí hậu.
- D. Sông ngòi.

Câu 3: Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG VÀ NĂNG SUẤT LÚA Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 - 2012

Năm	2000	2005	2010	2012
Diện tích (nghìn ha)	7666,3	7329,2	7489,4	7761,2
Sản lượng (nghìn tấn)	32529,5	35832,9	40005,6	43737,8
Năng suất (tạ/ha)	42,4	48,9	53,4	56,4

Theo bảng số liệu trên, để thể hiện tốc độ tăng trưởng về diện tích, sản lượng và năng suất lúa nước ta giai đoạn 2000 – 2012, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ đường.
- B. Biểu đồ cột và đường
- C. Biểu đồ miền.
- D. Biểu đồ tròn.

Câu 4: Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam của nước ta mang sắc thái của vùng khí hậu

- A. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

- B. cận xích đạo.
- C. nhiệt đới ẩm gió mùa.
- D. cận xích đạo gió mùa.

Câu 5: Ý nào sau đây phản ánh đặc điểm địa hình của miền tự nhiên Tây Bắc và Bắc Trung Bộ của nước ta?

- A. Địa hình thấp; hướng núi vòng cung; đồng bằng thu hẹp.
- B. Địa hình cao, hướng núi tây bắc - đông nam; đồng bằng thu hẹp.
- C. Địa hình cao, hướng núi tây bắc - đông nam; đồng bằng mở rộng.
- D. Địa hình gồm các khối núi cổ, các sơn nguyên bóc mòn, các cao nguyên ba dan.

Câu 6: Động, thực vật chiếm ưu thế của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là

- A. các loài thuộc vùng xích đạo.
- B. các loài thuộc vùng nhiệt đới.
- C. các loài từ phương Nam di cư lên.
- D. các loài vùng cận xích đạo.

Câu 7: Nước ta, đai cao cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc hạ thấp hơn so với miền Nam, vì

- A. có nền địa hình cao hơn.
- B. có nền nhiệt độ thấp hơn.
- C. có nền nhiệt độ cao hơn.
- D. có nền địa hình thấp hơn.

Câu 8: Chế độ nước theo mùa của sông ngòi nước ta **không** bị ảnh hưởng bởi

- A. sự phân hóa lượng mưa theo mùa.
- B. địa hình đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ.
- C. lưu lượng nước từ thượng nguồn đổ về.
- D. sự phân hoá theo mùa của khí hậu.

Câu 9: Loại khoáng sản có tiềm năng vô tận ở vùng biển nước ta là

- A. cát trắng.
- B. muối biển.
- C. titan.
- D. dầu khí.

Câu 10: Hình dạng lãnh thổ kéo dài, và ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc đã tác động đến thiên nhiên nước ta là

- A. thiên nhiên từ Bắc vào Nam của nước ta khá đồng nhất.
- B. tạo điều kiện cho tính biển xâm nhập sâu vào đất liền.
- C. thiên nhiên nước ta có sự phân hoá theo chiều Bắc - Nam
- D. ảnh hưởng của biển vào trong đất liền không rõ rệt.

Câu 11: Cho biểu đồ:

Căn cứ vào biểu đồ hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chế độ nước sông Hồng và sông Đà Rằng?

- A. Sông nhiều nước quanh năm, đặc biệt vào vào mùa hạ, sông Đà Rằng có lũ tiểu mãn vào tháng VI.
- B. Có một mùa lũ và một mùa cạn, mùa lũ trên sông Hồng vào mùa hạ, mùa lũ trên sông Đà Rằng vào thu - đông.
- C. Có một mùa lũ và một mùa cạn, mùa lũ trên cả hai sông đều diễn ra vào mùa hạ.
- D. Sông nhiều nước quanh năm, mùa lũ trên sông Hồng vào thu - đông, mùa lũ trên sông Đà Rằng vào mùa hạ.

Câu 12: Độ ẩm không khí của nước ta cao đã gây khó khăn cho việc

- A. đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi.
- B. bảo quản máy móc, thiết bị, nông sản.
- C. phát triển lâm nghiệp.
- D. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.

Câu 13: Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng là do

- A. các chất ba dơ dễ tan như Ca^{2+} , K^+ ... bị rửa trôi.
- B. tích tụ ôxit sắt.
- C. tích tụ ôxit nhôm.
- D. tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm.

Câu 14: Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, nên:

- A. Nền nhiệt độ cao, cán cân bức xạ quanh năm dương
- B. Có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá
- C. Có sự phân hóa tự nhiên rõ rệt.
- D. Khí hậu có hai mùa rõ rệt: mùa đông bớt nóng, khô và mùa hạ nóng, mưa nhiều

Câu 15: Nơi có đủ 3 đai cao ở nước ta là

- A. vùng núi Đông Bắc.
- B. miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
- C. miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
- D. miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

Câu 16: Hệ sinh thái rừng nguyên sinh ở nước ta là

- A. rừng gió mùa nửa rụng lá.
- B. rừng gió mùa thường xanh.
- C. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- D. rừng thưa khô rụng lá.

Câu 17: Nơi có thềm lục địa hẹp nhất nước ta thuộc vùng biển của khu vực

- A. Bắc Bộ.
- B. Nam Bộ.

C. Bắc Trung Bộ. D. Nam Trung Bộ.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Hồng?

A. Sông Cầu. B. Sông Mã.

C. Sông Lô D. Sông Cả.

Câu 19: Đặc điểm địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi thấp, đã làm cho

A. phá vỡ tính chất nhiệt đới của thiên nhiên nước ta.

B. tính chất nhiệt đới của thiên nhiên nước ta được bảo toàn.

C. thiên nhiên nước ta phân hóa đa dạng.

D. phần lớn các vùng thiên nhiên mang tính chất cận nhiệt đới.

Câu 20: Tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở, đó là

A. thềm lục địa.

B. lãnh hải.

C. tiếp giáp lãnh hải.

D. đặc quyền kinh tế.

Câu 21: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG CỦA LẠNG SƠN VÀ LAI CHÂU (Đơn vị: °C)

Địa điểm	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Lạng Sơn	13,3	14,3	18,2	22,1	23,3	26,9	27,0	26,6	25,2	22,6	18,3	14,3
Lai Châu	17,2	18,0	21,3	24,6	24,5	26,5	26,5	26,6	26,1	23,7	20,6	17,7

A. 9,4°C và 13,3°C.

B. 12, 5°C và 3,2°C.

C. 3,2°C và 12, 5°C.

D. 13,7°C và 9,4°C.

Câu 22: Nhận định nào sau đây **không đúng** với thế mạnh của khu vực đồng bằng nước ta?

A. Phát triển giao thông vận tải đường bộ, đường sông.

B. Là cơ sở phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với cơ cấu sản phẩm đa dạng.

C. Thuận lợi tập trung các thành phố, các khu công nghiệp.

D. Các sông có trữ năng thủy điện lớn.

Câu 23: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết vùng nào sau đây nhiều đất phèn nhất?

A. Bắc Trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 24: Ranh giới giữa hai vùng núi Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam của nước ta là

A. sông Hồng.

B. sông Cả.

C. dãy núi Bạch Mã.

D. dãy núi Hoàng Sơn

Câu 25: Nước ta có nhiều tài nguyên khoáng sản là do vị trí địa lí:

A. Tiếp giáp với biển Đông

B. Ở khu vực gió mùa điển hình nhất thế giới

C. Trên vành đai sinh khoáng châu Á – Thái Bình Dương

D. Trên đường di lưu và di cư của nhiều loài động, thực vật

Câu 26: Cho bảng số liệu sau:

SỰ BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH RỪNG QUA MỘT SỐ NĂM (Đơn vị: triệu ha)

Năm	1943	1983	2003	2014
Tổng diện tích rừng	14,3	7,2	12,7	13,7
Rừng tự nhiên	14,3	6,8	10,2	10,1
Rừng trồng	0,0	0,4	2,5	3,6
Độ che phủ (%)	43	22	38	40,2

A. Diện tích rừng trồng tăng nhanh nên diện tích và chất lượng rừng được phục hồi. Nhận định đúng nhất là:

B. Tổng diện tích rừng đã được khôi phục hoàn toàn.

C. Diện tích rừng tự nhiên tăng nhanh hơn diện tích rừng trồng.

D. Diện tích và chất lượng rừng có tăng nhưng vẫn chưa được phục hồi hoàn toàn.

Câu 27: Vào giữa và cuối mùa hạ, do ảnh hưởng của áp thấp Bắc Bộ nên gió mùa Tây Nam khi vào Bắc Bộ nước ta di chuyển theo hướng

A. đông nam.

B. tây nam.

C. tây bắc.

D. đông bắc.

Câu 28: Trên đất liền, nước ta có đường biên giới chung dài nhất với

A. Thái Lan.

B. Campuchia.

C. Lào.

D. Trung Quốc.

Câu 29: Vùng biển có ranh giới ngoài cùng là đường biên giới quốc gia trên biển, đó là vùng

A. lãnh hải.

B. tiếp giáp lãnh hải.

C. nội thủy. **D.** thêm lục địa.

Câu 30: Từ độ cao 1600 - 1700 m trở lên của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta có các loại đất chủ yếu là

- A.** đất mùn.
B. đất feralit có mùn.
C. đất feralit.
D. đất mùn thô.

Câu 31: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT VÀ SẢN LƯỢNG LÚA NƯỚC TA TỪ 1997- 2015:

Năm	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)	Năng suất (tạ ha)
1997	7099,7	27288,7	38,8
1999	7653,6	31393,8	41,0
2001	7492,7	32108,4	42,9
2003	7452,2	34568,8	46,4
2005	7326,4	35790,8	48,9
2015	7820,1	45223,6	57,7

Nhận xét nào sau đây đúng nhất với bảng số liệu trên

- A.** Diện tích lúa của nước ta tăng liên tục qua các năm
B. Năng suất lúa tăng nhanh và tăng liên tục qua các năm
C. Sản lượng lúa ngày càng giảm, giảm liên tục
D. Diện tích, sản lượng giảm, năng suất tăng

Câu 32: Cho bảng số liệu:

GDP CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ (Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Nông – lâm – thủy sản	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
2000	441646	108356	162220	171070
2010	1887082	396576	693351	797155
2014	3541828	696696	1307935	1537197

Theo bảng trên, hãy cho biết biểu đồ nào sau đây thể hiện đúng nhất về quy mô và cơ cấu GDP của nước ta phân theo khu vực kinh tế ?

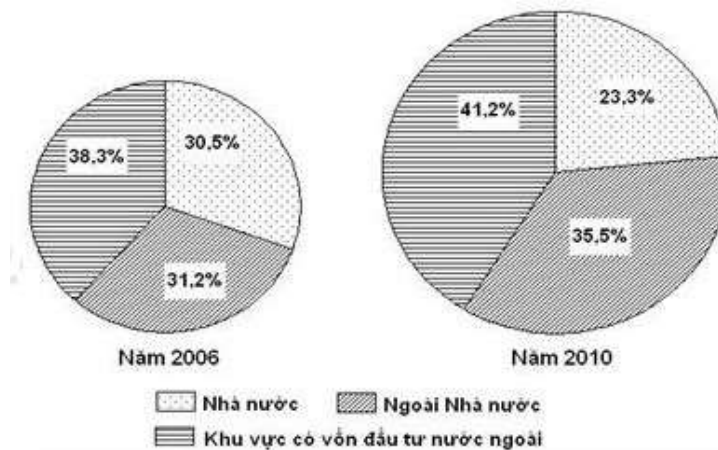
- A.** Biểu đồ tròn
B. Biểu đồ đường
C. Biểu đồ miền

D. Biểu đồ kết hợp

Câu 33: Địa hình của vùng núi Trường Sơn Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chủ yếu là đồi núi thấp, hướng tây bắc - đông nam.
- B. Địa hình cao nhất nước, hướng tây bắc - đông nam.
- C. Có sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn Đông - Tây, hướng vòng cung..
- D. Thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu, thấp trũng ở giữa, hướng tây bắc - đông nam.

Câu 34: Cho biểu đồ :



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế ở nước ta.
- B. Quy mô giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế ở nước ta.
- C. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế ở nước ta.
- D. Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế ở nước ta.

Câu 35: Đồng bằng sông Cửu Long đất phèn, đất mặn chiếm diện tích lớn **không phải** do?

- A. Được phù sa bồi đắp hàng năm.
- B. Có mùa khô kéo dài và sâu sắc.
- C. Nhiều cửa sông, nước triều lấn sâu vào đồng bằng.
- D. Địa hình thấp, nhiều ô trũng.

Câu 36: Yếu tố tự nhiên gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp nước là

- A. nguồn nhiệt, ẩm dồi dào.
- B. mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- C. sự không ổn định của khí hậu và thời tiết.
- D. tài nguyên đất đa dạng.

Câu 37: Địa hình của vùng núi Đông Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu, thấp ở giữa, hướng tây bắc - đông nam.
- B. Chủ yếu là đồi núi thấp, hướng vòng cung.
- C. Có sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn Đông - Tây, hướng vòng cung.

D. Địa hình cao nhất nước, hướng tây bắc - đông nam.

Câu 38: Đặc điểm nào của Biển Đông có ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta?

- A. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B. Có thềm lục địa mở rộng ở hai đầu và thu hẹp ở giữa.
- C. Có diện tích lớn gần 3,5 triệu km².
- D. Biển tương đối kín.

Câu 39: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây **không** tiếp giáp với Lào?

- A. Sơn La.
- B. Kon Tum.
- C. Gia Lai.
- D. Điện Biên.

Câu 40: Địa hình đồi núi thấp có độ cao trung bình 500 - 600m của vùng núi Đông Bắc nước ta tập trung chủ yếu ở

- A. khu vực phía bắc của vùng.
- B. thượng nguồn sông Chảy.
- C. giáp biên giới Việt - Trung.
- D. khu vực trung tâm của vùng.

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – SỐ 8

1	2	3	4	5
D	A	A	D	B
6	7	8	9	10
B	B	B	B	C
11	12	13	14	15
B	B	D	A	C
16	17	18	19	20
C	D	C	B	D
21	22	23	24	25
D	D	C	C	C
26	27	28	29	30
D	A	C	A	A
31	32	33	34	35

B	A	D	A	A
36	37	38	39	40
C	B	A	C	D

9. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 12 – Số 9

TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRI PHƯƠNG

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2019 – 2020

THỜI GIAN 45 PHÚT

Câu 1: Sông ngòi nước ta có thủy chế theo mùa là hệ quả của chế độ

- A. gió mùa. B. sinh vật.
C. mưa mùa. D. đất đai.

Câu 2: Nền nhiệt ẩm cao, khí hậu phân mùa đã tác động đến sản xuất nông nghiệp ở

- A. nền nông nghiệp nhiệt đới có tính mùa vụ
B. lượng mưa theo mùa.
C. tính mùa vụ của sản xuất.
D. sự phân mùa khí hậu.

Câu 3: Quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình ở nước ta là

- A. bóc mòn - xâm thực.
B. xâm thực - bồi tụ.
C. bồi tụ.
D. xâm thực

Câu 4: Tác động của gió Tây khô nóng đến khí hậu nước ta là

- A. mùa thu, đông có mưa phùn.
B. tạo sự đối lập giữa Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
C. tạo kiểu thời tiết khô nóng, hoạt động từng đợt.
D. gây ra thời tiết nóng, ẩm theo mùa.

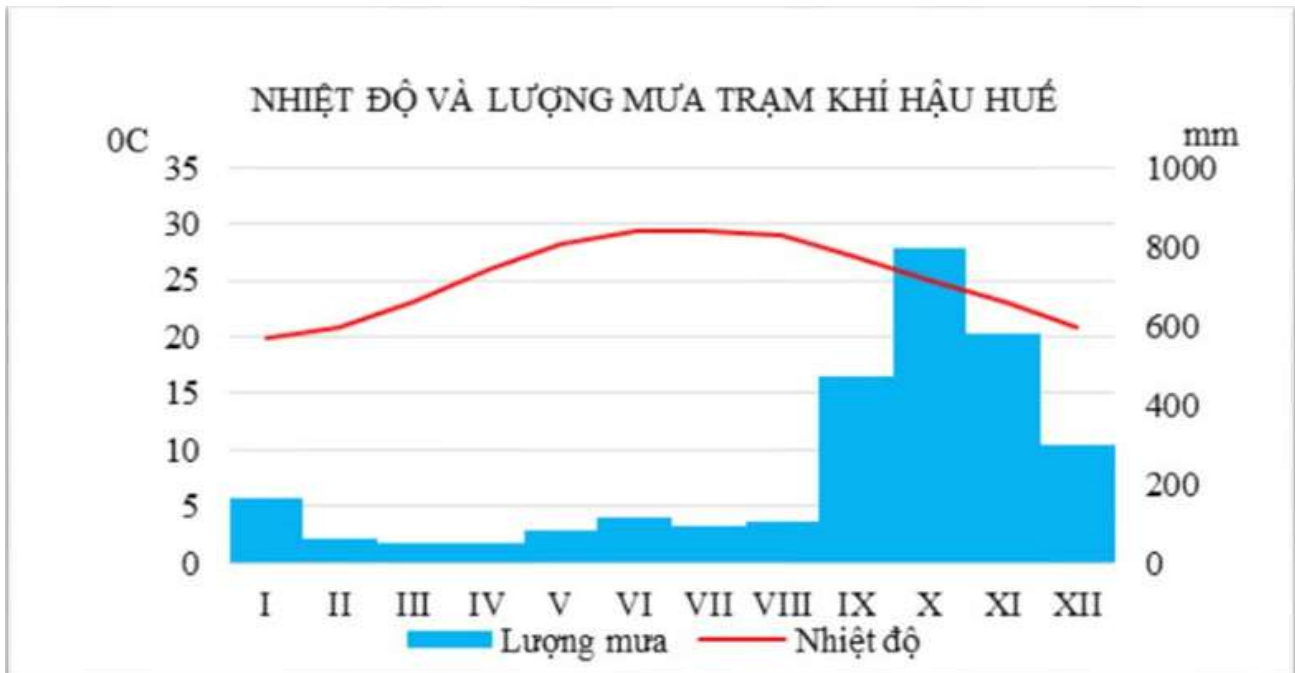
Câu 5: Ở nước ta, loại tài nguyên có triển vọng khai thác lớn nhưng chưa được chú ý đúng mức là

- A. tài nguyên rừng.
B. tài nguyên khoáng sản.
C. tài nguyên biển.
D. tài nguyên đất.

Câu 6: Ở độ cao 2400 - 2600m nước ta có kiểu khí hậu nào dưới đây?

- A. Xích đạo. B. Nhiệt đới.
C. Cận nhiệt đới. D. Ôn đới.

Câu 7: Cho biểu đồ



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Thể hiện nhiệt độ và lượng mưa của trạm khí hậu Huế.
B. Tốc độ tăng trưởng của nhiệt độ và lượng mưa của trạm khí hậu Huế.
C. Cơ cấu nhiệt độ và lượng mưa của trạm khí hậu Huế.
D. Diễn biến nhiệt độ và lượng mưa của trạm khí hậu Huế qua các năm.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác cao hơn sản lượng nuôi trồng?

- A. Cà Mau. B. Bạc Liêu.
C. An Giang. D. Kiên Giang.

Câu 9: Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm là

- A. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
B. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
C. rừng thưa nhiệt đới khô.
D. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.

Câu 10: Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp đã làm cho

- A. địa hình nước ta ít hiểm trở.
B. địa hình nước ta có sự phân bậc rõ rệt.
C. tính chất nhiệt đới ẩm của thiên nhiên được bảo toàn.
D. thiên nhiên có sự phân hóa sâu sắc.

Câu 11: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (Đơn vị: P0PC)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Tp. Hồ Chí Minh	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên?

- A. Hà Nội có biên độ nhiệt năm cao hơn Thành phố Hồ Chí Minh
- B. Hà Nội có nền nhiệt độ thấp hơn Thành phố Hồ Chí Minh.
- C. Nhiệt độ trung bình năm Hà Nội cao hơn Thành phố Hồ Chí Minh.
- D. Tháng có nhiệt độ cao nhất của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh không giống nhau.

Câu 12: Vào đầu mùa hạ, gió Tây Nam gây mưa lớn cho vùng

- A. Nam Bộ.
- B. trên phạm vi cả nước.
- C. phía nam đèo Hải Vân.
- D. Tây Nguyên và Nam Bộ.

Câu 13: Đồi núi nước ta có sự phân bậc rõ rệt vì

- A. chịu tác động của vận động tạo núi Anpơ trong giai đoạn Tân kiến tạo.
- B. phần lớn là núi có độ cao dưới 2000m.
- C. chịu tác động của nhiều đợt vận động tạo núi trong đại cổ sinh.
- D. trải qua lịch sử phát triển lâu dài, chịu tác động nhiều của ngoại lực.

Câu 14: Đâu **không** phải là đặc điểm của địa hình đồi núi của nước ta?

- A. Địa hình thấp dưới 1000m chiếm 85% diện tích lãnh thổ.
- B. Địa hình nước ta không chịu tác động của con người.
- C. Núi cao trên 2000m chỉ chiếm 1% diện tích lãnh thổ.
- D. Cấu trúc địa hình nước ta có cấu trúc cổ và cao ở phía Tây bắc thấp dần về phía Đông nam.

Câu 15: Thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á sẽ được phát huy cao độ nếu biết kết hợp xây dựng các loại hình giao thông vận tải

- A. đường ô tô và đường sắt.
- B. đường biển và đường sắt.
- C. đường ô tô và đường biển.
- D. đường hàng không và đường biển.

Câu 16: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Nam ở nước ta là

- A. đới rừng xích đạo.

- B. á nhiệt đới lá rộng.
- C. đới rừng nhiệt đới gió mùa.
- D. đới rừng cận xích đạo gió mùa.

Câu 17: Nguyên nhân cơ bản tạo nên sự phân hóa khí hậu giữa phần lãnh thổ phía Bắc và phía Nam là do

- A. sự tăng lượng bức xạ ở phía nam.
- B. sự tăng lượng bức xạ ở phía nam và khối khí lạnh giảm sút về phía nam.
- C. khối khí lạnh giảm sút về phía nam.
- D. có nhiều dãy núi sát biển.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là **không**

đúng về sản lượng khai thác dầu thô và than sạch của cả nước từ năm 2000 đến năm 2007?

- A. Sản lượng than có tốc độ tăng nhanh hơn dầu.
- B. Sản lượng khai thác dầu và than tăng liên tục qua các năm.
- C. Sản lượng than có tốc độ tăng liên tục.
- D. Sản lượng dầu có xu hướng giảm.

Câu 19: Khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc đặc trưng cho vùng khí hậu

- A. cận xích đạo gió mùa.
- B. cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.
- C. nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh.
- D. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

Câu 20: Gió mùa mùa đông ở miền Bắc nước ta có đặc điểm:

- A. xuất hiện thành từng đợt từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô hoặc lạnh ẩm.
- B. hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô và lạnh ẩm.
- C. hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô.
- D. kéo dài liên tục suốt 3 tháng với nhiệt độ trung bình dưới 20°C.

Câu 21: Đất feralit ở nước ta thường bị chua vì ?

- A. Có sự tích tụ nhiều Fe_2O_3 .
- B. Có sự tích tụ nhiều Al_2O_3 .
- C. Mưa nhiều trôi hết các chất bazo dễ tan.
- D. Quá trình phong hoá diễn ra với cường độ mạnh.

Câu 22: Gió đông bắc thổi ở vùng phía nam đèo Hải Vân vào mùa đông thực chất là

- A. gió tín phong ở nửa cầu Bắc hoạt động thường xuyên suốt năm.
- B. gió mùa mùa đông xuất phát từ cao áp lục địa châu Á.

C. gió mùa mùa đông nhưng đã biến tính khi vượt qua dãy Bạch Mã.

D. một loại gió địa phương hoạt động thường xuyên suốt năm giữa biển và đất liền.

Câu 23: Câu nào dưới đây thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa miền núi với đồng bằng nước ta?

A. Đồng bằng có địa hình bằng phẳng, miền núi có địa hình cao hiểm trở.

B. Sông ngòi phát nguyên từ miền núi cao nguyên chảy qua các đồng bằng.

C. Đồng bằng thuận lợi cho cây lương thực, miền núi thích hợp cho cây công nghiệp.

D. Những sông lớn mang vật liệu bào mòn ở miền núi bồi đắp, mở rộng đồng bằng.

Câu 24: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lúa nước ta giai đoạn 2000 – 2015

Năm	2000	2003	2007	2015
Diện tích (nghìn ha)	7.655	7.452	7.207	7.835
Sản lượng (nghìn tấn)	32.554	34.568	35.942	45.216

Biểu đồ thể hiện tốt nhất tốc độ tăng trưởng diện tích, sản lượng lúa giai đoạn 2000 – 2015 là biểu đồ

A. đường.

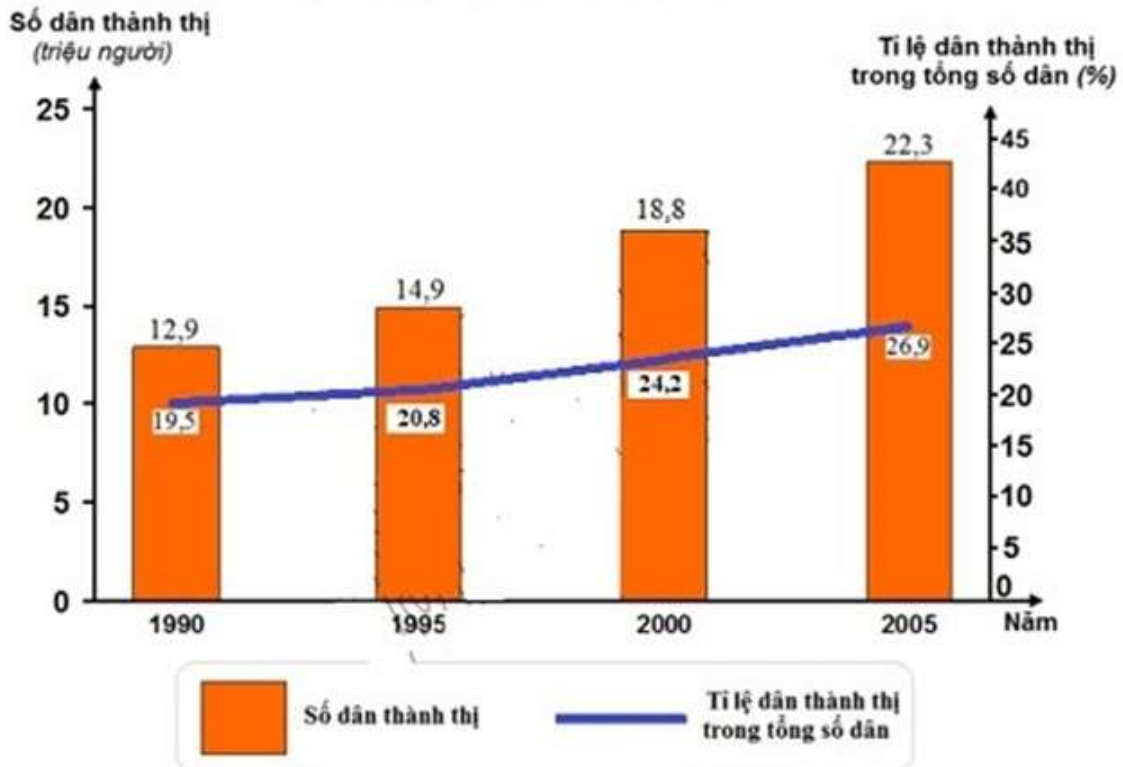
B. cột chồng.

C. cột.

D. miền.

Câu 25: Cho biểu đồ sau:

BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ TRONG SỐ DÂN CẢ NƯỚC, GIAI ĐOẠN 1990 - 2005



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Dân số thành thị có xu hướng tăng và tỉ lệ dân thành thị trong tổng số dân có xu hướng giảm.
- B. Dân số thành thị và tỉ lệ dân thành thị trong tổng số dân giảm.
- C. Dân số thành thị tăng 7,4 triệu người và tỉ lệ dân thành thị trong tổng số dân tăng 9,4%.
- D. Dân số thành thị và tỉ lệ dân thành thị trong tổng số dân tăng.

Câu 26: Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình	Nhiệt độ trung bình	Nhiệt độ trung bình
	tháng I (°C)	tháng VII (°C)	năm (°C)
Lạng Sơn	13,3	27,0	21,2
Hà Nội	16,4	28,9	23,5
Vinh	17,6	29,6	23,9
Huế	19,7	29,4	25,1
Quy Nhơn	23,0	29,7	26,8

TP. Hồ Chí Minh	25,8	27,1	27,1
-----------------	------	------	------

(Nguồn: Niên giám thống kê 2015, NXB Thống kê 2016)

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

- A. Nhiệt độ trung bình năm có xu hướng giảm dần từ Bắc vào Nam.
- B. Nhiệt độ trung bình năm có xu hướng tăng giảm không ổn định.
- C. Nhiệt độ trung bình năm có xu hướng tăng dần từ Bắc vào Nam.
- D. Nhiệt độ trung bình năm không tăng không giảm.

Câu 27: Dải đồng bằng ven biển miền Trung có đặc điểm

- A. thu hẹp về phía nam, thiên nhiên trù phú.
- B. hẹp ngang bị chia thành nhiều đồng bằng nhỏ, thiên nhiên khắc nghiệt.
- C. đất đai màu mỡ, thiên nhiên phân hóa đa dạng.
- D. mở rộng với các bãi triều thấp phẳng, thềm lục địa rộng nông.

Câu 28: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có quy mô trên 100 000 tỉ đồng ?

- A. Hạ Long và Thành phố Hồ Chí Minh.
- B. Hải Phòng và T.P Hà Nội
- C. Biên Hòa và Thành phố Hồ Chí Minh.
- D. Thành phố Hồ Chí Minh và T.P Hà Nội.

Câu 29: Đặc điểm nào **không đúng** với khí hậu phần lãnh thổ phía Nam nước ta?

- A. Biên độ nhiệt năm cao.
- B. Nóng đều quanh năm.
- C. Có hai mùa mưa và khô rõ rệt.
- D. Tính chất cận xích đạo gió mùa.

Câu 30: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Bắc ở nước ta là

- A. đới rừng nhiệt đới gió mùa.
- B. á nhiệt đới lá rộng.
- C. đới rừng nhiệt đới.
- D. đới rừng xích đạo.

Câu 31: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết Tây Nguyên tiếp giáp với các vùng nông nghiệp nào sau đây?

- A. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ.
- C. Bắc Trung Bộ và Đồng bằng Sông Hồng.
- D. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 32: Thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Vùng biển lớn gấp 3 lần diện tích đất liền.
- B. Đường bờ biển Nam Trung Bộ bằng phẳng.
- C. Thềm lục địa ở miền Trung thu hẹp, tiếp giáp vùng biển nước sâu.
- D. Thềm lục địa phía bắc và phía nam nông, mở rộng.

Câu 33: Nước ta có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú nhờ

- A. nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên vành đai sinh khoáng của thế giới.
- B. nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực châu Á gió mùa.
- C. nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên đường di lưu và di cư của các loài sinh vật.
- D. lãnh thổ kéo dài từ 8034' B đến 23023'B nên thiên nhiên có sự phân hóa đa dạng.

Câu 34: Thiên nhiên vùng núi cao Tây Bắc mang sắc thái của vùng khí hậu

- A. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.
- B. ôn đới gió mùa trên núi.
- C. cận xích đạo gió mùa với hai mùa mưa, khô.
- D. cận nhiệt đới gió mùa.

Câu 35: Biển Đông ảnh hưởng nhiều nhất, sâu sắc nhất đến thiên nhiên nước ta ở lĩnh vực

- A. địa hình.
- B. sinh vật.
- C. cảnh quan ven biển.
- D. khí hậu.

Câu 36: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết cây công nghiệp nào dưới đây **không thuộc** Đông Nam Bộ?

- A. Chè.
- B. Cà phê.
- C. Cao su.
- D. Điều .

Câu 37: Rêu và địa y phủ kín thân cây, cành cây” là đặc điểm sinh vật ở độ cao nào ở vùng núi nước ta?

- A. 900m - 1000m.
- B. 1000m – 1600m.
- C. 1600m – 1700m đến 2600m.
- D. trên 2600m.

Câu 38: Hai bể trầm tích có diện tích lớn nhất nước ta là

- A. Nam Côn Sơn và Thổ Chu – Mã Lai.
- B. Nam Côn Sơn và Cửu Long.
- C. Sông Hồng và Trung Bộ.
- D. Cửu Long và Sông Hồng.

Câu 39: Loại gió có tác động thường xuyên đến toàn bộ lãnh thổ nước ta là

- A. gió địa phương. B. gió phơn.
C. gió mùa. D. gió Mậu dịch.

Câu 40: Đây là đặc điểm quan trọng nhất của địa hình đồi núi nước ta, có ảnh hưởng rất lớn đến các yếu tố khác.

- A. Chạy dài suốt lãnh thổ từ bắc đến nam.
B. Đồi núi thấp chiếm ưu thế.
C. Núi nước ta có địa hình hiểm trở.
D. Núi nước ta có sự phân bậc rõ ràng.

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – SỐ 9

1	2	3	4	5
C	A	B	C	C
6	7	8	9	10
C	D	A	B	C
11	12	13	14	15
C	D	A	B	D
16	17	18	19	20
D	B	B	D	A
21	22	23	24	25
C	A	D	A	D
26	27	28	29	30
C	B	D	A	A
31	32	33	34	35
B	B	C	B	D
36	37	38	39	40
A	C	B	D	B

10. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 12 – Số 10

TRƯỜNG THPT PHẠM THẾ HIỀN

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12
NĂM HỌC 2019 – 2020
THỜI GIAN 45 PHÚT

Câu 1: Loại gió có cơ chế hoạt động quanh năm ở nước ta là

- A. gió mùa Tây Nam.
- B. gió mùa Đông Bắc.
- C. tín phong.
- D. gió mùa Đông Nam.

Câu 2: Gió mùa Đông Nam hoạt động ở miền bắc vào thời gian

- A. giữa và cuối mùa hạ.
- B. đầu mùa đông.
- C. đầu và giữa mùa hạ .
- D. cuối mùa đông.

Câu 3: Hiện tại cơ cấu dân số nước ta có đặc điểm

- A. là cơ cấu dân số già.
- B. đang biến đổi chậm theo hướng già hóa.
- C. đang biến đổi nhanh theo hướng già hóa.
- D. cơ cấu dân số đang trẻ hóa.

Câu 4: Ở vùng đồi núi thấp nhóm đất chủ yếu là

- A. đất feralit.
- B. đất cát.
- C. đất phèn.
- D. đất mùn thô.

Câu 5: Ở Trung Bộ, nguyên nhân gây ngập lụt mạnh vào các tháng IX-X là do

- A. mưa bão lớn, nước biển dâng và lũ nguồn về.
- B. mưa lớn kết hợp triều cường.
- C. mưa diện rộng, mặt đất thấp xung quanh lại có đê bao bọc.
- D. các hệ thống sông lớn, lưu vực rộng.

Câu 6: Căn cứ vào trang 15 của Atlas Địa lí Việt Nam, hãy cho biết phát biểu nào sau đây không đúng với dân số Việt Nam qua các năm từ 1960 đến năm 2007?

- A. Dân số cả nước tăng từ năm 1960 đến năm 2007.
- B. Dân số thành thị tăng nhanh hơn dân số nông thôn.
- C. Dân số nông thôn luôn lớn hơn dân số thành thị.
- D. Dân số nông thôn tăng nhanh là xu thế chung.

Câu 7: Sự phân hóa thiên nhiên theo Đông – Tây ở vùng đồi núi nước ta chủ yếu do tác động của

- A. các dãy núi hướng tây bắc – đông nam và vòng cung.

- B. gió mùa với hướng của các dãy núi.
- C. gió mùa Đông Bắc và Tín phong bán cầu Bắc.
- D. địa hình phân hóa đa dạng.

Câu 8: Hiện tại nước ta đang trong giai đoạn “cơ cấu dân số vàng”, điều đó có nghĩa là

- A. số người ở độ tuổi 15-59 chiếm hơn 2/3 dân số.
- B. số người ở độ tuổi 60 trở lên đang chiếm 2/3 dân số.
- C. số người trong độ tuổi 0-14 chiếm hơn 2/3 dân số.
- D. số trẻ sơ sinh chiếm hơn 2/3 dân số.

Câu 9: Một trong những nguyên tắc quản lí, sử dụng và phát triển rừng phòng hộ là

- A. bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh vật của các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên.
- B. đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.
- C. trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc.
- D. duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng, độ phì và chất lượng đất rừng.

Câu 10: Dãy núi cao, đồ sộ Hoàng Liên Sơn nằm trong vùng núi

- A. Trường Sơn Bắc.
- B. Trường Sơn Nam.
- C. Đông Bắc.
- D. Tây Bắc.

Câu 11: Các đỉnh núi Rào Cỏ, Hoàng Sơn nằm trong vùng núi

- A. Đông Bắc.
- B. Tây Bắc.
- C. Trường Sơn Bắc.
- D. Trường Sơn Nam.

Câu 12: Hai vấn đề lớn nhất trong bảo vệ môi trường nước ta hiện nay là

- A. suy giảm tài nguyên rừng và suy giảm tài nguyên đất.
- B. suy giảm đa dạng sinh vật và suy giảm tài nguyên nước.
- C. suy giảm tài nguyên rừng và suy giảm đa dạng sinh vật.
- D. mất cân bằng sinh thái môi trường và ô nhiễm môi trường.

Câu 13: Đặc điểm về nhiệt độ của khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra) là

- A. nhiệt độ trung bình năm trên 25°C. Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ.
- B. nhiệt độ trung bình năm trên 20°C. Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ.
- C. nhiệt độ trung bình năm trên 25°C. Biên độ nhiệt trung bình năm lớn.
- D. nhiệt độ trung bình năm trên 20°C. Biên độ nhiệt trung bình năm lớn.

Câu 14: Thiên nhiên vùng núi thấp ở nước ta có đặc điểm nào dưới đây

- A. cảnh quan thiên nhiên giống như vùng ôn đới.
- B. mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa.
- C. có cảnh quan thiên nhiên cận xích đạo gió mùa.
- D. có cảnh quan thiên nhiệt đới gió mùa.

Câu 15: Cảnh quan trong đai nhiệt đới gió mùa gồm

- A. rừng rậm xích đạo và rừng nhiệt đới gió mùa.
- B. rừng cận xích đạo và rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- C. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh và rừng nhiệt đới gió mùa.
- D. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh và rừng cận nhiệt đới lá rộng.

Câu 16: Về dân số, nước ta đứng thứ 3 khu Đông Nam Á, sau

- A. Indonexia, Malaixia.
- B. Indonexia, Philippin.
- C. Indonexia, Thái Lan.
- D. Malaixia, Philippin.

Câu 17: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đặc điểm khí hậu nào dưới đây?

- A. Trong năm có một mùa mưa và một mùa khô rõ rệt.
- B. Vào mùa hạ, nhiều nơi chịu tác động mạnh của gió phơn Tây Nam.
- C. Gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh nhất, tạo nên một mùa đông lạnh.
- D. Có khí hậu cận xích đạo gió mùa.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10 và trang 13,14, hãy cho biết hệ thống sông nào sau đây thuộc miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

- A. Sông Cả.
- B. Sông Thái Bình.
- C. Sông Ba.
- D. Sông Kỳ Cùng – Bằng Giang.

Câu 19: Trong những năm qua, tổng diện tích rừng nước ta đang tăng dần lên nhưng

- A. độ che phủ rừng vẫn giảm.
- B. tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái.
- C. diện tích rừng tự nhiên vẫn giảm.
- D. diện tích rừng trồng vẫn không tăng.

Câu 20: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi vị trí

- A. nằm trong vùng khí hậu gió mùa.
- B. nằm ven biển Đông, phía tây Thái Bình Dương.
- C. thuộc châu Á.
- D. nằm trong vùng nội chí tuyến.

Câu 21: Dân số nước ta tăng nhanh, đặc biệt là vào

- A. nửa đầu thế kỉ XIX.
- B. nửa sau thế kỉ XIX.
- C. nửa đầu thế kỉ XX.
- D. nửa sau thế kỉ XX.

Câu 22: Nước ta có lượng mưa lớn, trung bình năm 1500 – 2000mm/năm, nguyên nhân chính là do

- A. các khối không khí qua biển mang ẩm vào đất liền.
- B. tín phong mang mưa tới.
- C. địa hình cao đón gió gây mưa.
- D. nhiệt độ cao nên lượng bốc hơi lớn.

Câu 23: Ở nước ta nơi có thềm lục địa hẹp nhất là

- A. vùng biển Nam Bộ.
- B. vùng biển Bắc Bộ.
- C. vùng biển Bắc Trung Bộ.
- D. vùng biển Nam Trung Bộ.

Câu 24: Gió phơn Tây Nam (còn gọi là gió Lào, gió Tây) thổi ở vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ vào đầu mùa hạ có nguồn gốc là

- A. gió Tây Nam xuất phát từ Bắc Ấn Độ Dương.
- B. gió mùa Đông Bắc.
- C. gió mùa Tây Nam xuất phát từ dải áp cao chí tuyến bán cầu Nam.
- D. tín phong.

Câu 25: Tỷ trọng của các nhóm tuổi trong cơ cấu dân số ở nước ta đang chuyển biến theo hướng

- A. nhóm 0-14 tuổi tăng, nhóm 15-59 tuổi giảm, nhóm 60 tuổi trở lên giảm.
- B. nhóm 0-14 tuổi giảm, nhóm 15-59 tuổi tăng, nhóm 60 tuổi trở lên tăng.
- C. nhóm 0-14 tuổi tăng, nhóm 15-59 tuổi giảm, nhóm 60 tuổi trở lên tăng.
- D. nhóm 0-14 tuổi giảm, nhóm 15-59 tuổi tăng, nhóm 60 tuổi trở lên giảm.

Câu 26: Gia tăng dân số nhanh **không** dẫn tới hậu quả nào dưới đây?

- A. Tạo sức ép lớn tới việc phát triển kinh tế - xã hội.
- B. Làm suy thoái tài nguyên thiên nhiên và môi trường.
- C. Làm thay đổi cơ cấu dân số theo thành thị và nông thôn.
- D. Ảnh hưởng việc nâng cao chất lượng cuộc sống của từng thành viên trong xã hội.

Câu 27: Sự suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta không có biểu hiện nào dưới đây?

- A. Suy giảm về hệ sinh thái.
- B. Suy giảm về nguồn gen quý hiếm.

C. Suy giảm thể trạng của các cá thể loài.

D. Suy giảm về số lượng loài.

Câu 28: Nguyên nhân chủ yếu làm cho tỉ trọng dân số thành thị nước ta ngày càng tăng là

A. quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.

B. phân bố lại dân cư giữa các vùng.

C. ngành nông – lâm – ngư nghiệp phát triển.

D. đời sống nhân dân thành thị nâng cao.

Câu 29: Đặc điểm địa hình cơ bản của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

A. vừa có đồng bằng châu thổ lớn nhất nước, vừa có các đồng bằng hẹp ven biển.

B. cấu trúc địa hình chủ yếu hướng tây bắc – đông nam.

C. các cao nguyên badan xếp tầng.

D. đồi núi thấp chiếm ưu thế. Các dãy núi có hình cánh cung.

Câu 30: Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Đông Nam Bộ.

Câu 31: Bão ở Việt Nam có đặc điểm nào dưới đây?

A. bão đổ bộ vào miền Bắc có cường độ yếu hơn đổ bộ vào miền Nam.

B. bão tập trung nhiều nhất vào các tháng V, VI, VII.

C. trung bình mỗi năm có 8 – 10 cơn bão đổ bộ vào bờ biển nước ta.

D. mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam.

Câu 32: Cho bảng số liệu sau:

Diện tích đất phân theo vùng năm 2016 (ĐV: Nghìn ha)

Vùng	Diện tích
Đồng bằng sông Hồng	2.106,0
Trung du và miền núi phía Bắc	9.526,7
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	9.583,2
Tây Nguyên	5.464,1
Đông Nam Bộ	2.359,1
Đồng bằng sông Cửu Long	4.057,6

Cả nước	33.096,7
----------------	-----------------

Để thể hiện cơ cấu hiện trạng sử dụng đất phân theo vùng năm 2014, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền B. Tròn
C. Đường D. Cột

Câu 33: Cho bảng số liệu sau:

Diện tích đất phân theo vùng năm 2016 (ĐV: Nghìn ha)

Vùng	Diện tích
Đồng bằng sông Hồng	2.106,0
Trung du và miền núi phía Bắc	9.526,7
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	9.583,2
Tây Nguyên	5.464,1
Đông Nam Bộ	2.359,1
Đồng bằng sông Cửu Long	4.057,6
Cả nước	33.096,7

Theo bảng số liệu trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về diện tích đất phân theo vùng năm 2014 của Việt Nam.

- A. Diện tích đất Đồng bằng sông Hồng lớn nhất.
B. Diện tích đất Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung lớn nhất.
C. Diện tích đất Đông Nam Bộ lớn hơn diện tích đất vùng Tây Nguyên.
D. Diện tích đất Đồng bằng sông Cửu Long lớn nhất.

Câu 34: Thuận lợi của dân số đông đối với phát triển kinh tế đất nước là

- A. lao động có trình độ cao nhiều, khả năng huy động lao động lớn.
B. số người phụ thuộc ít, số người trong độ tuổi lao động nhiều.
C. nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
D. nguồn lao động trẻ nhiều, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Câu 35: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết diện tích đất cát biển ở những nơi nào sau đây lớn hơn cả?

- A. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.
B. Đồng bằng sông Cửu Long và các đồng bằng Bắc Trung Bộ.
C. Các đồng bằng Bắc Trung Bộ và đồng bằng sông Hồng.

D. Các đồng bằng ở Duyên hải Nam Trung Bộ và Bắc Trung Bộ.**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – SỐ 10**

1	2	3	4	5
D	A	C	A	A
6	7	8	9	10
D	B	A	C	D
11	12	13	14	15
C	D	D	D	C
16	17	18	19	20
B	B	C	B	D
21	22	23	24	25
D	A	D	A	B
26	27	28	29	30
C	C	A	B	A
31	32	33	34	35
D	B	B	C	D